

Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Địa chỉ: sân bay quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Mã số doanh nghiệp: 0101509403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/07/2004, thay đổi lần thứ 22 ngày 08/7/2021



NOIBAI CATERING SERVICES

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2025

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
08h30-09h00	- Đăng ký tham dự họp, kiểm tra tư cách cổ đông - Phát phiếu biểu quyết và tài liệu họp	Ban tổ chức
09h00-09h10	- Khai mạc cuộc họp - Giới thiệu thành phần tham dự, Chủ tọa cuộc họp	Ban tổ chức
09h10-09h20	Bầu Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông	Chủ tọa - Ông Ngô Hồng Minh
09h20-09h25	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
09h25-09h30	- Thông qua Chương trình họp - Thông qua Quy chế tổ chức họp	Chủ tọa - Ông Ngô Hồng Minh
09h30-09h35	Báo cáo hoạt động và công tác giám sát năm 2024 của Hội đồng quản trị	Ông Ngô Hồng Minh
09h35-09h40	Báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban Kiểm soát và KH hoạt động năm 2025	Ông Lê Hoàng Chính
09h40-09h50	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 Định hướng kế hoạch kinh doanh 5 năm 2025 - 2030	Ông Nguyễn Văn Dũng
09h50-10h00	Báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch chi trả năm 2025 Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	Ông Nguyễn Văn Hùng Cường
10h00-10h05	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2024	Ông Nguyễn Văn Dũng
10h05-10h10	Trình ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan	Ông Ngô Hồng Minh
10h10-10h15	Tờ trình về ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025 - 2027	Ông Lê Hoàng Chính

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
10h15-10h30	Thảo luận và biểu quyết	Đại hội đồng cổ đông
10h30-10h45	Nghỉ giải lao – Tiệc trà nhẹ	
10h45-10h50	Công bố kết quả kiểm phiếu cuộc họp	Ban bầu cử và kiểm phiếu
10h50-11h05	Thông qua Biên bản, Nghị quyết cuộc họp	Thư ký
11h05	Bế mạc cuộc họp	Ban Tổ chức

Số:/QC-NCS-DHĐCD

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

QUY CHẾ

TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025



CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia họp, điều kiện, trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là Công ty).

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

CỦA CÁC BÊN THAM GIA HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có tên trên Danh sách cổ đông của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của cổ đông

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền;
- b) Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- c) Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- d) Được thông báo công khai toàn bộ nội dung, chương trình họp.
- e) Được nhận Phiếu biểu quyết và các tài liệu thảo luận tại cuộc họp.
- f) Được tham gia ý kiến và tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Được thảo luận, phát biểu, đóng góp ý kiến tại cuộc họp.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

2. Nghĩa vụ của cổ đông

a) Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

b) Tuân thủ nội dung quy định tại Quy chế này.

c) Thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn.

d) Tôn trọng kết quả làm việc của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f) Bảo mật thông tin được cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa cuộc họp có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyền của Chủ tọa

a) Đề cử Ban Thư ký, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Bầu cử, Ban Kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

c) Được hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

2. Nghĩa vụ của Chủ tọa

a) Điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, trật tự, đúng theo quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và chương trình đã được thông qua.

b) Tôn trọng ý kiến thảo luận, phát biểu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông tại cuộc họp.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
 - a) Được yêu cầu cổ đông, người đại diện của cổ đông đến dự cuộc họp xuất trình các giấy tờ cần thiết chứng minh quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Thu giữ các giấy tờ chứng minh quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và phát tài liệu, Phiếu biểu quyết cho cổ đông đủ điều kiện tham dự cuộc họp.
2. Nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
 - a) Báo cáo trung thực trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.
 - b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của Ban Kiểm phiếu

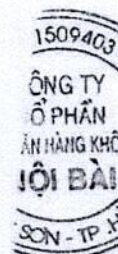
Ban Kiểm phiếu có quyền kiểm tra, ghi nhận toàn bộ kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử tại Đại hội.
2. Nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu
 - a) Hướng dẫn cổ đông thực hiện việc biểu quyết, bầu cử đúng quy định.
 - b) Thực hiện việc phát, thu phiếu biểu quyết;
 - c) Kiểm phiếu một cách trung thực và chính xác.
 - d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm phiếu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký

Thư ký do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thư ký có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền của Thư ký

Theo sự phân công của Chủ tọa, Thư ký có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để cuộc họp diễn ra một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
2. Nghĩa vụ của Thư ký
 - a) Lập biên bản cuộc họp một cách trung thực và chính xác; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 - b) Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tọa cuộc họp.



CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Điều kiện, cách thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trước ngày khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp;
4. Chương trình và nội dung họp được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 9. Điều kiện, cách thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - Đối với quyết định về đầu tư tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và phương án tăng vốn điều lệ thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Vấn đề khác phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;
 - c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu

từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định của Điều lệ công ty.

Điều 10. Trình tự, cách thức để cổ đông phát biểu, đóng góp ý kiến

1. Cổ đông được phát biểu, đóng góp ý kiến trong khoảng thời gian đã thông báo trong Chương trình họp.

2. Cổ đông phát biểu, đóng góp ý kiến sau khi được Chủ tọa cuộc họp đồng ý và theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 11. Nội quy phòng họp Đại hội đồng cổ đông

Người tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm:

1. Chấp hành nội quy của Công ty, tuân thủ sự hướng dẫn của ban tổ chức về việc sắp xếp chỗ ngồi, việc di chuyển trong phòng họp.

2. Trang phục lịch sự, giữ gìn trật tự trong phòng họp...

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký ghi vào biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được ghi thành Nghị quyết của cuộc họp.

2. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Nghị quyết cuộc họp được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được thông qua.

Điều 14. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm



soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra Quyết định và nội dung Quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Ngô Hồng Minh

BÁO CÁO

Về hoạt động và công tác giám sát năm 2024 của Hội đồng quản trị

Kính thưa: Các Quý vị cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Thành phần Hội đồng quản trị năm 2024

Thành viên và cơ cấu của hội đồng quản trị (HĐQT) thực hiện quy chế làm việc theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Trong năm 2024, có sự thay đổi về cơ cấu thành viên như sau:

STT	Thành viên	Chức danh	Ghi chú
1	Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 24/4/2024
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	Không thay đổi
3	Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 24/4/2024
4	Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/4/2024
5	Ông Trần Việt Hải	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/4/2024

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024

- Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã thể hiện quyết tâm cao trong việc chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt, tuân thủ chặt chẽ quy định của Nhà nước và Công ty, bảo đảm hài hoà lợi ích của Công ty, các cổ đông và người lao động; duy trì sự đoàn kết nhất trí trong Hội đồng quản trị cũng như với Ban giám đốc Công ty;

- Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 22 Nghị quyết và 20 Quyết định, tất cả các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính 2024 như sau:

Thành viên	Chức danh	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
Ông Ngô Hồng Minh	CT HĐQT	08/08	100%	
Ông Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT	08/08	100%	
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	TV HĐQT	08/08	100%	
Bà Nguyễn Đức Hạnh	TV HĐQT	03/03	100%	Miễn nhiệm từ 24/4/2024
Ông Trần Việt Hải	TV HĐQT	05/05	100%	Bỏ nhiệm từ 24/4/2024

Hội đồng quản trị đã họp 08 phiên với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100% (không bao gồm 12 phiên họp dưới hình thức xin ý kiến thành viên bằng văn bản), trong đó tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; thực hiện công tác tái cơ cấu, công tác nhân sự, tiền lương và thi đua khen thưởng; chỉ đạo sát sao công tác đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển thị trường; giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ban hành các quy chế quản trị, quy định nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các thành viên Hội đồng quản trị, trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển bền vững của Công ty;

- Năm 2024 là năm thị trường vận tải hàng không phục hồi mạnh mẽ và đón nhận những tín hiệu tăng trưởng tích cực thể hiện ở các mặt như một số hãng hàng không đến từ Trung Quốc khai thác trở lại sớm hơn kế hoạch định hướng, các hãng hàng không như China Airlines, Emirates Airlines, Cambodia Angkor Air đã tham gia chào hàng sớm hơn kế hoạch theo lời mời của NCS giúp NCS điều chỉnh và cập nhật lại được chính sách giá bán, thúc đẩy các nỗ lực tăng sản lượng và doanh thu. Vietnam Airlines cùng các hãng hàng không khai thác đến Việt Nam dự báo khôi phục hoàn toàn mạng được bay quốc tế và tiếp tục mở rộng sang các thị trường mới ở Trung Á, Ấn Độ, Úc và một số quốc gia Châu Âu

- Vì vậy, căn cứ diễn biến thị trường và đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo doanh nghiệp xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024 trình ĐHĐCĐ với mức lợi nhuận trước thuế là 51,9 tỷ đồng;

- Mặc dù vẫn còn những yếu tố thách thức và tiềm ẩn như biến động về giá dầu, tỷ giá, lãi suất, giá cả thị trường... nhưng HĐQT luôn tích cực:

- + Theo sát diễn biến thị trường để chủ động triển khai linh hoạt các giải pháp điều hành, khai thác mọi nguồn thu, quản trị chi phí, sử dụng nguồn lực phù hợp với tình hình thực tế nhằm thực hiện tốt Kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- + Chỉ đạo điều hành dòng tiền để đảm bảo cho hoạt động SXKD; Tăng cường kiểm soát, thu hồi công nợ; Chủ động rà soát hợp đồng và xác định khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính theo quy định;
- + Thường xuyên cập nhật kết quả thực hiện kế hoạch SXKD hàng tháng để đánh giá, phân tích kết quả đạt được, đồng thời làm rõ các tồn tại, hạn chế,

các nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục để rút kinh nghiệm và làm cơ sở thực hiện tốt nhất kế hoạch SXKD 2024;

- Thông qua hàng loạt các giải pháp điều hành kịp thời, cụ thể như nêu trên, thành quả đạt được trong năm 2024 với lợi nhuận trước thuế thực hiện đạt 67,61 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- + Sản lượng chuyển bay: phục vụ 41.295 chuyến, bằng 100% kế hoạch năm và bằng 107,3% so với năm 2023;
- + Sản lượng suất ăn: thực hiện đạt 11.100.227 suất ăn, bằng 93% so với kế hoạch và bằng 106,5% so với năm 2023;
- + Doanh thu: 735,1 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch và bằng 119% so với năm 2023;
- + Tổng chi phí: 667,5 tỷ đồng, bằng 102% so với kế hoạch và bằng 117% so với năm 2023;
- + Lợi nhuận trước thuế: đạt 67,6 tỷ đồng, bằng 130% so với kế hoạch và bằng 146,4% so với năm 2023; Lợi nhuận sau thuế đạt được 54,7 tỷ đồng, Công ty đã xóa hoàn toàn lỗ lũy kế từ các năm trước và có lợi nhuận chưa phân phối 3,01 tỷ đồng.
- + Quỹ lương: thực hiện 168,9 tỷ đồng, bằng 121% so với kế hoạch và bằng 128,8% so với năm 2023;
- + Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 3.052 đồng/cổ phiếu, bằng 118,6% so với năm 2023.

3. Thù lao và chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT:

- Việc chi trả thù lao của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và được chi trả tuân thủ theo các quy định nội bộ của Công ty.

- + Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 14,4 triệu đồng/tháng; Thành viên HĐQT: 11,52 triệu đồng/tháng.
- + Tổng thù lao của HĐQT năm 2024 là: 587,52 triệu đồng (chưa trừ thuế TNCN)

- Các chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và của Công ty.

4. Việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát Ban lãnh đạo trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty linh hoạt, duy trì SXKD, chủ động tiết kiệm chi phí và tăng tối đa doanh thu, đảm bảo dòng tiền thanh toán;

- Ban lãnh đạo đã hoàn thành vai trò điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- + Hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2024 với kết quả cao hơn so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt; Với kết quả lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 54,77 tỷ đồng, Công ty đã xóa toàn bộ lỗ lũy kế và có lợi nhuận chưa phân phối 3,01 tỷ đồng.

- + Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;
- + Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- + Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt;

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trước nhận định năm 2025 và giai đoạn tới vẫn còn nhiều khó khăn do tình hình chính trị thế giới, giá vàng, lãi suất biến động, giá cả các loại hàng hóa trên thế giới có xu hướng tăng cao, ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu trong đó có ngành hàng không..., với định hướng tập trung duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với một số chỉ tiêu chính:

- Chuyến bay: 46.161 chuyến, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Suất ăn: 12.815.374 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2024;
- Tổng doanh thu: 841,39 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Tổng Chi phí: 760,83 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận trước thuế: 80,55 tỷ đồng, tăng 19% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận sau thuế: 64,44 tỷ đồng, tăng 18% so với thực hiện 2024;
- Tổng quỹ lương: 188,77 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Lao động bình quân: 802 người, tăng 6% so với thực hiện 2024;
- Về kế hoạch đầu tư:

Tổng mức đầu tư 82.22 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư chuyển tiếp trang thiết bị lẻ từ năm 2024 chuyển sang: 21,64 tỷ đồng (08 danh mục trang thiết bị chuẩn bị đầu tư – 3,73 tỷ đồng; 14 danh mục thực hiện đầu tư – 17,91 tỷ đồng);

+ Đầu tư mới năm 2025 là: 60,58 tỷ đồng (gồm 18 danh mục: Nhóm máy móc, dây chuyền sản xuất: 03 danh mục – 5,41 tỷ đồng; Nhóm phương tiện vận tải: 04 danh mục – 27,53 tỷ đồng; Nhóm phần mềm, công nghệ thông tin: 04 danh mục – 9,86 tỷ đồng; Nhóm trang thiết bị phụ trợ: 07 danh mục – 17,79 tỷ đồng).

+ Kế hoạch Khối lượng hoàn thành: 59,19 tỷ đồng; Kế hoạch Giải ngân: 56,85 tỷ đồng.

+ Tiến độ triển khai: sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

- Căn cứ nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh này, trong năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chính như sau:

❖ **Kế hoạch quản trị doanh thu:**

- + Hàng tháng, Công ty tiến hành lập KH doanh thu cập nhật theo tình hình thực tế của tháng kế hoạch;
- + Thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện doanh thu so với KH;
- + Chủ động cập nhật doanh thu từ VNA và các hãng.

❖ **Kế hoạch quản trị chi phí chung:**

Chi phí nguyên vật liệu:

- + Công ty triển khai lập kế hoạch sử dụng NVL hàng tháng: Căn cứ vào kế hoạch sản lượng hàng tháng, Công ty lập các kế hoạch sử dụng chi phí NVL của tháng;
- + Hàng kỳ, Công ty sẽ tiến hành đánh giá lại việc thực hiện kế hoạch sử dụng NVL đã lập để đảm bảo tính hiệu quả trong công tác lập kế hoạch và quản trị chi phí;

Chi phí tiền lương:

- + Thực hiện quản lý lao động tiền lương theo quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP
- + Giám sát chặt chẽ & đảm bảo việc sử dụng lao động hợp lý tại các phòng để đảm bảo đạt được mục tiêu tăng NSLĐ;

Chi phí vận hành khác:

- + Đối với các chi phí vận hành biến đổi theo sản lượng suất ăn hoặc chuyến bay: Công ty quản trị theo tỷ trọng của các chi phí này trên yếu tố tác động tương ứng. Rà soát đánh giá thường xuyên để tham mưu kịp thời cho Ban lãnh đạo công ty khi có các biến động vượt ngưỡng;
- + Đối với các chi phí vận hành cố định: Kiểm soát dựa trên hiệu quả kinh doanh của Công ty. Công ty lập thứ tự ưu tiên trong việc thực hiện các khoản mục chi phí đảm bảo tính hiệu quả khi vận hành chi phí;

Với vai trò và trách nhiệm quản lý Công ty, năm 2025, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực quản trị, tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các giải pháp phù hợp và linh hoạt trong từng thời điểm cụ thể, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

III. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo về hoạt động và công tác giám sát năm 2024 của Hội đồng quản trị.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin chân thành cảm ơn các Quý vị cổ đông đã tin tưởng và gắn bó với Công ty trong những năm vừa qua. Kính chúc các Quý vị cổ đông và Quý vị đại biểu mạnh khỏe, chúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 01011403
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG
NỘI BẮC
H. S. C. S. C. N - TP. HÀ NỘI

Ngô Hồng Minh

CTCP SUẤT ĂN HK NỘI BÀI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN KIỂM SOÁT Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



Số: 02/2025/BC-BKS/NCS

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

về: Tình hình hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông CTCP suất ăn hàng không Nội bài

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần suất ăn hàng không Nội bài (NCS);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty NCS.

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo Quý Cổ đông về các mặt hoạt động trong năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát như sau:

I. TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của BKS:

Ngày 24/4/2024, ĐHĐCĐ hoàn tất thủ tục về công tác nhân sự thành viên BKS Công ty (do 02 cổ đông VNA và VACS đề nghị). BKS công ty NCS gồm 03 thành viên trong đó Trưởng ban do cổ đông Vietnam Airlines giới thiệu.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc họp kết hợp kiểm soát trực tiếp tại Trụ sở Công ty. BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định, nội dung công việc kiểm soát gồm: (i) giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty; (ii) kiểm soát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT, giám sát việc quản lý, điều hành công ty của Ban điều hành; (iii) rà soát/kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ các khoản mục chi phí; giám sát công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; (iv) soát xét BCTC hàng kỳ, đánh giá tình hình hoạt động SXKD của Công ty, lập các báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên.

BKS đã tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT để nắm bắt kịp thời các chủ trương/kế hoạch của Công ty. Đóng góp ý kiến/giám sát các nội dung quan trọng trong hoạt động của công ty như rà soát các văn bản nội bộ liên quan đến cung ứng suất ăn, rà soát số liệu SXKD hàng quý trình HĐQT...; thường xuyên liên hệ với bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan để nắm bắt tình hình hoạt động, hệ thống số liệu tài chính của Công ty.

II. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

1. Giám sát việc tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ của Công ty; Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị:

Trong năm, ĐHĐCĐ/HĐQT đã ban hành 42 Nghị quyết/Quyết định, tập trung vào chỉ đạo các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD (kế hoạch SXKD, hạn mức tín dụng ngắn hạn ...); các dự án đầu tư TSCĐ; công tác tổ chức - nhân sự - lao động ban hành các quy chế/quy định nội bộ (QC tài chính, QC quản lý lương, thưởng) Trong đó 41/42 Nghị quyết, Quyết định đã hoàn thành (đạt tỷ lệ 98%); nội dung đang triển khai thực hiện về sửa đổi mô hình tổ chức các phòng chuyên môn, dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 6/2025

Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát định kỳ thông qua các báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động SXKD hàng kỳ.

Ban Điều hành công ty đã tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; thực hiện công tác điều hành linh hoạt trong tổ chức hoạt động SXKD, triển khai thực hiện các nội dung quan trọng, cụ thể: (i) Xây dựng các kịch bản điều hành SXKD nhằm ứng phó với biến động của môi trường kinh doanh; (ii) Tìm kiếm các giải pháp mở rộng tệp khách hàng ngoài VNA; (iii) nâng cao hiệu suất lao động đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD trong tình hình mới.

Tất cả các nội dung chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đối với hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đã được triển khai thực hiện đầy đủ, Công ty không phát sinh nội dung chỉ đạo của HĐQT chưa được triển khai hoặc quá hạn hoàn thành.

2. Giám sát hoạt động tài chính và việc chấp hành các chế độ Tài chính kế toán theo quy định của Luật kế toán thông qua việc soát xét sổ sách, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính.

Công ty đã lập đầy đủ Báo cáo tài chính năm 2024 theo hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt nam. Báo cáo Tài chính đã được Công ty kiểm toán UHY thực hiện kiểm toán và không có yếu tố bị loại trừ. Trong năm, công ty không có thay đổi chính sách kế toán so với năm trước; việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán theo đúng qui định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Công ty đã thực hiện trích khấu hao, thanh lý/nhuận bán tài sản cố định, tổ chức công tác kiểm kê tài sản/tiền vốn và lập các báo cáo kiểm kê theo đúng quy định. Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Luật chứng khoán.

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính và nhận thấy về cơ bản, Công ty đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Công ty. BKS nhất trí với đánh giá của Công ty Kiểm toán "Báo cáo tài chính công ty NCS đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Công ty luôn chấp hành và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản thu nộp ngân sách; không có vi phạm về hành chính liên quan đến việc chấp hành chế độ, chính sách pháp luật hiện hành.

3. Đánh giá tình hình thực hiện kiến nghị/kết luận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và khuyến cáo của BKS

- Đối với các kiến nghị của cơ quan Nhà nước:

+ Khuyến cáo của KTTN liên quan đến khoản công nợ của Indochina Airlines: công ty tiếp tục theo dõi sát sao; tuy nhiên, đối tác vẫn chưa đủ điều kiện để xóa nợ theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC (Indochina Airlines chưa xóa mã số thuế, chưa tuyên bố phá sản).

+ Kiến nghị của thanh tra Bộ Giao thông vận tải liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất đai: Công ty đã nhận được quyết định về việc cho NCS thuê 12.368,2 m² đất tại Cảng hàng không quốc tế Nội Bài để sử dụng làm cơ sở chế biến Suất ăn hàng không Nội Bài (QĐ số 368/QĐ-CVMB ngày 24/11/2023); hiện đang chờ Cảng vụ Nội bài hoàn tất thủ tục ký hợp đồng cho thuê đất.

- **Đối với các kiến nghị của BKS/KSV:** Công ty đang triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng dòng tiền nhân rồi, rà soát nhu cầu/kế hoạch đầu tư theo kiến nghị;

4. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

4.1. Hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng				
	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Thực hiện cùng kỳ	So sánh cùng kỳ	SS KH năm
1. Sản lượng					
2. Doanh thu cung ứng HHDV	705.506	732.067	613.714	119%	104%
<i>Tr.đó: Cung ứng cho VNA</i>	<i>409.734</i>	<i>427.960</i>	<i>373.556</i>	<i>115%</i>	<i>104%</i>
3. Doanh thu HĐTC	609	2.799	3.782	74%	460%
4. Thu nhập khác	131	213	239	89%	163%
Tổng Doanh thu	706.246	735.079	617.735	119%	104%
5. Chi phí SXKD	638.701	655.063	546.807	120%	103%
6. Chi phí HĐTC	15.643	12.368	24.669	50%	79%
7. Chi phí khác		39	9	462%	
Tổng chi phí	654.344	667.470	571.485	117%	102%
8. Lợi nhuận SXKD	66.805	77.003	66.907	115%	115%
9. Lợi nhuận HĐTC	(15.034)	(9.569)	(20.887)	46%	64%
10. Lợi nhuận khác	131	174	231	75%	133%
Tổng LN trước thuế	51.902	67.609	46.251	146%	130%
Tổng LN sau thuế	44.260	54.775	46.251	118%	124%

Về Doanh thu:

Tổng doanh thu năm 2024 đạt 735,08 tỷ đồng, tăng 4% so với KH (tăng 28,8 tỷ) và tăng 19% so với năm 2023 (tăng 117,3 tỷ).

Về Chi phí:

Tổng chi phí đạt 667,5 tỷ đồng bằng 102% KH năm (tăng 13,1 tỷ) và bằng 117% cùng kỳ (tăng gần 96 tỷ).

- Chi phí tài chính đạt 12,4 tỷ đồng bằng 79% KH năm (giảm 3,3 tỷ) và bằng 50% cùng kỳ (giảm 12,3 tỷ); chủ yếu là chi phí lãi vay trong kỳ, nguyên nhân giảm do công ty chủ động giảm sử dụng vốn vay ngân hàng.

Lợi nhuận trước thuế: LNTT thực hiện năm 2024 đạt 67,6 tỷ đồng, tăng 30% so với KH năm (tăng 15,7 tỷ) và tăng 46% so với cùng kỳ (tăng 21,4 tỷ).

Đánh giá: Hoạt động SXKD của công ty đạt hiệu quả cao, tăng trưởng vượt bậc so với năm 2023; công ty đã nỗ lực mở rộng nguồn thu ngoài VNA đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị chi phí. Năm 2024, công ty đã xóa toàn bộ lỗ lũy kế từ các năm trước và có lợi nhuận chưa phân phối trên 3 tỷ đồng.

4.2. Tình hình đầu tư:

Tổng mức đầu tư KH 2024 là 35,9 tỷ đồng bao gồm 14 danh mục đầu tư chuyển tiếp (giá trị 9,6 tỷ đồng) và 28 danh mục đầu tư mới (giá trị 26,3 tỷ đồng). Khối lượng hoàn thành KH là 24,5 tỷ đồng và kế hoạch giải ngân là 28,1 tỷ đồng.

Trong năm, công ty thực hiện giải ngân 2,3 tỷ đồng (bằng 8% kế hoạch năm); trong đó đã hoàn thành hạng mục Máy đóng gói trà sữa với giá trị giải ngân 1,2 tỷ, ghi tăng TSCĐ với nguyên giá 1,084 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty đã hoàn thành lựa chọn nhà cung cấp đối với các gói mua sắm Thiết bị bếp, Xe nâng suất ăn có thùng lạnh và Máy soi chiếu an ninh; đã thực hiện tạm ứng 1,12 tỷ cho gói Thiết bị bếp (30% giá trị hợp đồng). Trình tự thủ tục mua sắm và ghi nhận TSCĐ tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và nội bộ công ty. Công ty không phát sinh nghiệp vụ thanh lý tài sản trong kỳ.

Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Công ty NCS không phát sinh hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

4.3. Tình hình quản lý công nợ:

Chỉ tiêu	01/1/2024	31/12/2024	Tăng / (Giảm)
Hệ số nợ (tổng phải trả tổng nguồn vốn)	0,72	0,61	(0,11)
Hệ số nợ phải trả trên VCSH	2,63	1,82	(0,80)
Hệ số nợ vay trên VCSH	1,87	0,92	(0,95)

Công ty thực hiện ghi nhận và theo dõi công nợ phải thu, phải trả theo từng đối tượng nợ, tuổi nợ, thực hiện trích lập công nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định của Nhà nước và quy định tại quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ của Công ty. Trong năm không phát sinh thêm công nợ khó đòi.

4.4. Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	01/1/2024	31/12/2024	Tăng / (Giảm)
Khả năng thanh toán tổng quát = Tổng TS / Nợ phải trả	1,38	1,55	0,17
Khả năng thanh toán ngắn hạn = TS ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	0,61	0,79	0,18
Khả năng thanh toán nhanh = (TS LĐ - HTK)/Nợ ngắn hạn	0,55	0,73	0,18
Khả năng thanh toán lãi vay = EBIT / Lãi vay	2,88	6,12	3,24

Mặc dù hệ số thanh toán nhanh/ngắn hạn vẫn dưới ngưỡng an toàn (thấp hơn 1); nhưng nhìn chung, nhóm hệ số khả năng thanh toán có xu hướng tốt hơn so với đầu năm. Chỉ tiêu khả năng thanh toán lãi vay được cải thiện rất tốt, nguyên nhân do Công ty hoạt động SXKD đạt kết quả cao, đồng thời Công ty tích cực sử dụng các giải pháp kiểm soát dòng tiền thu – chi, tận dụng hạn mức vay tại các ngân hàng có mức lãi suất thấp, ... để giảm tối đa chi phí lãi vay.

4.5. Một số vấn đề liên quan khác

• Các chỉ tiêu tài chính

- Bảo toàn vốn

Chỉ tiêu	01/1/2024	31/12/2024	Tăng/(Giảm)
LNST/tổng TS bình quân (ROA)	9.5%	11.8%	2.3%
LNST/DT thuần (ROS)	7.5%	7.5%	-0.1%
LNST/Vốn CSH bình quân (ROE)	44.2%	33.7%	-10.5%
Lợi nhuận gộp/Giá vốn hàng bán	20.5%	19.0%	-1.4%

Năm 2024, công ty đạt LNTT 67,6 tỷ, tăng 30% so với KH và tăng 46% so với cùng kỳ. Nhóm các chỉ tiêu về khả năng sinh lời ROA, ROE, ROS tăng trưởng ổn định (riêng chỉ tiêu ROE giảm so với năm trước do vốn CSH tăng cao khi công ty xóa được toàn bộ lỗ lũy kế), cho thấy việc sử dụng tài sản, tiền vốn của Công ty đạt hiệu quả cao, vốn đầu tư của CSH được bảo toàn và phát triển.

- Việc tuân thủ quy định về huy động vốn và sử dụng vốn vay

Việc huy động vay ngắn hạn trong năm 2024 không vượt quá hạn mức tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD năm 2024 đã được HĐQT phê duyệt; lãi suất vay ngắn hạn phù hợp mức lãi suất của các ngân hàng thương mại trên thị trường.

Quy trình huy động vốn tuân thủ các quy định của Công ty. Vốn huy động đều được sử dụng đúng mục đích. Công ty đã nghiêm túc thực hiện thanh toán tiền gốc, tiền lãi của các khoản vay theo đúng quy định tại các hợp đồng vay vốn.

5. Thực hiện chính sách lao động tiền lương

- Quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành:

NCS áp dụng phương pháp xác định quỹ lương theo NĐ số 53/NĐ-CP và TT 28/TT-BLĐTBXH.

- Quỹ tiền lương TBKS và thù lao HĐQT:

Công ty đã áp dụng nguyên tắc tính toán và sử dụng số liệu tính toán phù hợp với quy định của Nhà nước và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của Trường ban kiểm soát chuyên trách: 0,67 tỷ đồng.

Công ty đã tính mức lương đối với chức danh của Chủ tịch và Thành viên HĐQT chuyên trách, trên cơ sở đó để tính thù lao của HĐQT kiêm nhiệm bằng 20% mức tiền lương tương ứng của Chủ tịch, Thành viên HĐQT chuyên trách. Quỹ thù lao thực hiện năm 2024 là 0,79 tỷ đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2025 như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, cần trọng trong quản lý và điều hành hoạt động SXKD, thực hiện đầu tư, quản lý vốn, tài sản ... của Công ty.

- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án đầu tư, công tác tổ chức, lao động, tiền lương; việc thực hiện các chế độ liên quan đến người lao động,...

- Thực hiện chức năng kiểm tra/kiểm soát: Định kỳ soát xét hoạt động SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty (tối thiểu 02 lần/năm sau khi công ty phát hành BCTC quý/năm); dự kiến thực hiện 02 chuyên đề giám sát hoạt động: “Rà soát quy trình lựa chọn nhà cung ứng NVL phục vụ sản xuất suất ăn” (chuyển tiếp năm 2024) và “Kiểm tra tình hình thực hiện hoạt động sửa chữa lớn và thuê tài sản”.

- Tiếp nhận thông tin, trao đổi với cổ đông và xử lý các vấn đề theo yêu cầu của cổ đông (các vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Ban Kiểm soát).

- Tham dự đầy đủ các kì họp HĐQT của Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của NCS. Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành và các phòng, ban chức năng trong Công ty.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Qua quá trình kiểm soát, Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hiệu quả. Nhằm mục đích tăng cường công tác quản lý, điều hành Công ty, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị sau:

1. Đối với Đại hội đồng cổ đông:

Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 của Công ty NCS;

2. Đối với HĐQT/Ban điều hành công ty:

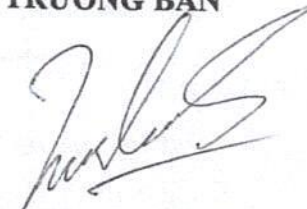
Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn: Nghiên cứu giải pháp cải thiện về cơ cấu tài sản ngắn hạn và nguồn vốn ngắn hạn nhằm giảm thiểu rủi ro trong thanh toán ngắn hạn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- BKS;
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Hoàng Chính



Số: 02/ABC-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

I. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 2024

1.1. Những khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện kế hoạch 2024:

❖ Thuận lợi:

- Thị trường hàng không năm 2024 cơ bản đã phục hồi, đặc biệt thị trường hàng không nội địa tăng trưởng khoảng 12% so với năm 2019;

- Một số hãng hàng không quốc tế như Japan Airlines (JL), China Airlines (CI) thực hiện chào hàng trong năm 2024 điều chỉnh đơn giá tăng lên so với dự kiến khiến cho DT cũng tăng so với kế hoạch ĐHCĐ, khách hàng Air China (CA) dự kiến khai thác từ quý II/2024, tuy nhiên khai thác sớm hơn dự kiến từ 30/01/2024 với đơn giá điều chỉnh cao hơn so với kế hoạch. Các yếu tố trên góp phần tăng sản lượng và doanh thu cho NCS;

- Triển khai thử nghiệm trà sữa chạng bay quốc tế từ tháng 3/2024 góp phần lan tỏa tích cực sản phẩm trà sữa của NCS tới khách hàng trong nước và quốc tế. Mở rộng thêm các đường bay quốc tế cấp bán Trà sữa gồm: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

❖ Khó khăn:

- Tốc độ hồi phục của thị trường hàng không vẫn còn chậm, đặc biệt là thị trường hàng không Nhật Bản và Dubai.

- Một số hãng hàng không quốc tế duy trì khai thác tàu thân hẹp thay tàu thân rộng như giai đoạn 2019 làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng doanh thu từ các hãng;

- Sản phẩm nonair hiện đang được truyền thông qua website, fanpage behangkhong.com của NCS. Các sản phẩm được giới thiệu theo tuần, độ tương tác giữa khách hàng và sản phẩm chưa nhiều.

- Mặc dù sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng đánh giá cao, nhưng do nguyên vật liệu đầu vào phải được kiểm soát theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo ATVSTP nên giá thành sản phẩm tương đối cao, không đủ cạnh tranh để đưa vào kênh phân phối ở siêu thị. Khoảng cách từ NCS đến các địa điểm trong nội thành khá xa, chi phí vận chuyển cao nên gặp nhiều khó khăn trong việc giao hàng và phát triển thêm các đại lý.

❖ **Các chỉ tiêu chính năm 2024:**

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	TH 2023	Năm 2024		TH 2024/KH 2024 (%)	TH 2024/TH 2023 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện		
I.1	Sản lượng suất ăn	suất	10,420,646	11,954,605	11,100,227	93%	107%
1	Cung ứng cho VNA Group	suất	6,349,492	6,726,478	6,823,700	101%	107%
2	Cung ứng cho đối tác khác	suất	4,071,154	5,228,128	4,276,527	82%	105%
I.3	Sản lượng chuyển bay	Chuyển	38,485	41,251	41,295	100%	107%
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	617,939	706,246	735,079	104%	119%
1.1	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tr.đ	613,714	705,506	732,067	104%	119%
	- Doanh thu cung ứng cho VNA Group	Tr.đ	374,234	409,734	427,960	104%	114%
	- Doanh thu cho đối tác khác	Tr.đ	239,218	295,511	303,795	103%	127%
	- Thu phí liệu	Tr.đ	262	262	312	119%	119%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tr.đ	3,986	609	2,799	460%	70%
1.3	Thu nhập khác	Tr.đ	239	131	213	163%	89%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	571,755	654,344	667,470	102%	117%
2.1	Chi phí sản xuất kinh doanh	Tr.đ	547,085	638,701	655,063	103%	120%
2.2	Chi phí tài chính	Tr.đ	24,670	15,643	12,368	79%	50%
2.3	Chi phí khác	Tr.đ	-	-	39		
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	46,184	51,902	67,609	130%	146%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đ	46,184	44,260	54,769	124%	119%
II	Các chỉ tiêu khác						
1	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ					
1.1	Vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của DN	Tr.đ	179,491	179,491	179,491	100%	100%
1.2	Vốn đầu tư của các chủ sở hữu cuối kỳ báo cáo	Tr.đ	179,491	179,491	179,491	100%	100%
	Trong đó:	Tr.đ					
	+ Vốn đầu tư của TCT và DN cuối kỳ báo cáo	Tr.đ	108,006	108,006	108,006	100%	100%
	+ Tăng, giảm vốn góp của TCT trong năm.	Tr.đ					
2	Lợi nhuận/cổ tức TCT được hưởng trong kỳ	Tr.đ	16,201	-	-		
	+ Bằng tiền	Tr.đ	16,201	-	-		
	+ Bằng cổ phiếu (Giá trị theo mệnh giá)	Tr.đ	-	-	-		
3	Tỷ suất Lợi nhuận ST/Vốn CSH BQ (%)	%	26%	25%	31%	124%	119%
4	Kế hoạch đầu tư trong kỳ	Tr.đ					
4.1	Đầu tư XDCB và TTB	Tr.đ					
	- Giá trị khối lượng công việc hoàn thành	Tr.đ	-	20,695	1,192	6%	
	- Giá trị giải ngân	Tr.đ	-	24,340	2,317	10%	
4.2	Đầu tư vốn vào DN khác	Tr.đ	-	-	-		
5	Tổng quỹ lương, tiền công thực hiện	Tr.đ	131,132	139,839	168,916	121%	129%
6	Lao động bình quân	Người	744	787	756	96%	102%

Đánh giá tổng quan tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024:

- **Tổng Sản lượng suất ăn:** thực hiện đạt 11.100.227 suất ăn, giảm 7% so với KH 2024 và tăng 7% so với TH 2023. Trong đó so với KH 2024: Sản lượng suất ăn VNA quốc tế và Nonair giảm lần lượt: 2% và 26%, Sản lượng suất ăn VNA nội địa và các hãng hàng không đều tăng lần lượt: 4%, 13%.

- **Tổng Sản lượng suất ăn quy đổi:** thực hiện đạt 12.160.001 suất ăn, giảm 4% so với KH 2024 và tăng 11% so với TH 2023;

- **Tổng Sản lượng chuyển bay:** 41.295 chuyến bay, tăng 44 chuyến bay so với KH 2024, tăng 7% so với TH 2023;

- **Tổng Doanh thu thực hiện năm 2024:** 735,1 tỷ đồng, tăng 28,8 tỷ đồng (4%) so với KH 2024 và tăng 19% so với TH 2023. Chi tiết:

+ Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 732,1 tỷ đồng tăng 26,6 tỷ đồng (4%) so với KH 2024 và tăng 19% TH 2023).

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 2,8 tỷ đồng tăng 2,2 tỷ đồng so với KH năm 2024.

- **Tổng chi phí thực hiện:** 667,5 tỷ đồng tăng 2% so với KH năm 2024 và tăng 17% TH 2023. Trong đó: chi phí sản xuất kinh doanh: 655,1 tỷ đồng tăng 3% so với KH 2024 và tăng 20% so với TH 2023; chi phí tài chính: 12,4 tỷ đồng giảm 3,3 tỷ so với KH 2024. So với KH 2024 và thực hiện 2023, tốc độ tăng tổng chi phí đang duy trì thấp hơn 2% so với tốc độ tăng tổng doanh thu.

- **Tổng lợi nhuận trước thuế** đạt 67,6 tỷ đồng, tăng 15,7 tỷ đồng (30%) so với KH 2024 và tăng 21,4 tỷ đồng (46%) so với TH năm 2023;

- **Tổng lợi nhuận sau thuế** đạt 54,8 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận/tổng doanh thu thuần: 7% tăng 1% so với KH 2024. Với lợi nhuận đạt được, Công ty đã xóa hoàn toàn lỗ lũy kế từ các năm trước và có lợi nhuận chưa phân phối 3,01 tỷ đồng.

1.2. Tình hình thực hiện LĐTL:

- Quỹ lương: 168,9 tỷ đồng bằng 121% KH (139,8 tỷ đồng)

- Lao động bình quân: 756 người, bằng 96% kế hoạch (787 người)

1.3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư:

- **Tổng mức đầu tư:** 32,84 tỷ đồng, trong đó: đầu tư chuyển tiếp là 9,59 tỷ đồng (14 danh mục trang thiết bị lẻ), đầu tư mới năm 2024 là: 23,25 tỷ đồng (bao gồm đầu tư các trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh - gồm 28 danh mục đầu tư trang thiết bị lẻ);

- Khối lượng hoàn thành:

+ Kế hoạch: 20,69 tỷ đồng;

+ Thực hiện: Sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty triển khai công tác đầu tư, lựa chọn nhà thầu gói thầu đầu tư máy đóng gói miêng trà sữa, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng tháng 9/2024 với giá trị 1,192 tỷ đồng; Tổng khối lượng hoàn thành trong kỳ 1,192 tỷ đồng 5,8% so với KH năm.

Ngoài ra, gói thầu đầu tư xe nâng suất ăn có thùng lạnh và Máy soi chiếu an ninh dự kiến bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng cuối quý 1, đầu quý 2/2025.

Các thiết bị đưa vào sử dụng đáp ứng tăng năng lực sản xuất và nhu cầu cầu khách hàng;

- Giá trị giải ngân:

+ Kế hoạch: 24,34 tỷ đồng;

+ Thực hiện: 2,317 tỷ đồng đạt 9,5% KH năm: bao gồm 1,192 tỷ đồng Máy đóng gói miêng trà sữa và tạm ứng 1,125 tỷ đồng gói Thiết bị bếp (tương đương 30% giá trị hợp đồng).

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

2.1. Những khó khăn, thuận lợi:

❖ Thuận lợi:

➤ Đối với Airlines:

- Thị trường hàng không trong năm 2025 được dự báo sẽ đón nhận những thuận lợi và tín hiệu tích cực từ các chính sách nâng cấp cơ sở hạ tầng giúp giảm tình trạng tắc nghẽn, tạo điều kiện nâng cao khả năng khai thác các đường bay nội địa và

quốc tế. Bên cạnh đó, việc các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài nghiên cứu, mở thêm các đường bay cũng là cơ hội để phát triển thị trường;

- Theo thông tin của Cục Hàng không Việt Nam, từ 01/03/2025, miễn thị thực cho công dân 3 nước (Cộng hòa Ba Lan, Cộng hòa Séc, Liên bang Thụy sĩ).

➤ **Thị trường Non-Air:**

- Với lợi thế nhà xưởng và dây chuyền sản xuất chuyên nghiệp, luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy trình ATVSTP cùng đội ngũ chuyên gia đầu bếp nhiều kinh nghiệm đã khiến cho khách hàng luôn tin tưởng khi lựa chọn các sản phẩm Nonair của NCS như sản phẩm Giò chả Tết, Bánh Trung thu, các suất ăn nhẹ, tiệc trà teabreak...
- Mục tiêu xây dựng hình ảnh sản phẩm chất lượng tốt và giá thành hợp lý là tiền đề để NCS tiếp tục duy trì và phát triển các dòng sản phẩm Non Air mới trong năm 2025.

❖ **Khó khăn:**

- Trở ngại đối với ngành hàng không là sự cạnh tranh gay gắt, các vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng tàu bay và đồng USD tăng.
- Chi phí nhiên liệu tăng kéo theo chi phí của các hãng hàng không tăng theo. Điều này có thể dẫn đến việc tiết giảm ngân sách của các hãng hàng không thông qua cắt giảm tiêu chuẩn cũng như giảm giá bằng hình thức đàm phán hoặc đấu thầu;
- Tình hình giá cả (NVL chính và VL phụ) biến động tăng so với các năm trước;
- Tình hình cạnh tranh trong lĩnh vực suất ăn ngày càng phức tạp, bao gồm các catering trong nước và ở các đầu của các hãng;

2.2. Dự kiến các chỉ tiêu chính năm 2025:

- Chuyển bay: 46.161 chuyến, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Suất ăn: 12.815.374 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2024;
- Tổng doanh thu: 841,39 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Tổng Chi phí: 760,83 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận trước thuế: 80,55 tỷ đồng, tăng 19% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận sau thuế: 64,44 tỷ đồng, tăng 18% so với thực hiện 2024;
- Tổng quỹ lương: 188,77 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Lao động bình quân: 802 người, tăng 6% so với thực hiện 2024;
- Về kế hoạch đầu tư:

Tổng mức đầu tư: 82.22 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư chuyển tiếp trang thiết bị lẻ từ năm 2024 chuyển sang: 21,64 tỷ đồng (08 danh mục trang thiết bị chuẩn bị đầu tư – 3,73 tỷ đồng; 14 danh mục thực hiện đầu tư – 17,91 tỷ đồng);

+ Đầu tư mới năm 2025 là: 60,58 tỷ đồng (gồm 18 danh mục: Nhóm máy móc, dây chuyền sản xuất: 03 danh mục – 5,41 tỷ đồng; Nhóm phương tiện vận tải: 04 danh mục – 27,53 tỷ đồng; Nhóm phần mềm, CNTT: 04 danh mục – 9,86 tỷ đồng; Nhóm TTB phụ trợ: 07 danh mục – 17,79 tỷ đồng).

+ Kế hoạch Khối lượng hoàn thành: 59,19 tỷ đồng; Kế hoạch Giải ngân: 56,85 tỷ đồng.

Tiến độ triển khai: sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; ủy quyền cho HĐQT chịu trách nhiệm rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và thông báo cho các cổ đông kết quả thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Hồng Minh



- Các đơn vị phụ thuộc: không

- Đầu tư ra ngoài DN: không

2. Môi trường tác động, ảnh hưởng đến hoạt động của công ty

Đánh giá thị trường giai đoạn 2020-2024: Giai đoạn Công ty bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch covid 19, kết quả SXKD ghi nhận lỗ các năm 2020-2021. Tuy nhiên, sau khi thị trường có dấu hiệu khởi sắc từ năm 2022 và phục hồi mạnh mẽ trong năm 2023 và 2024, Công ty dự kiến xoá hết lỗ lũy kế trong năm 2024.

3. Kết quả hoạt động của công ty giai đoạn 2020-2024

3.1. Về quy mô, sản lượng

- Biểu mẫu liên quan: BM 02 (đơn vị tính: suất ăn)

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
1. Tổng sản lượng	5,373,487	2,963,593	8,886,333	10,420,646	11,100,227
2. Trong đó cung ứng cho VNA	4,339,008	1,690,660	5,660,949	6,349,492	6,823,700
- Nội địa	3,747,369	1,578,078	4,704,893	4,169,803	4,172,458
- Quốc tế	591,639	112,582	956,056	2,179,689	2,651,242
3. Trong đó cung ứng cho khách hàng khác	1,034,479	1,272,933	3,225,384	4,071,154	4,276,527
- Các hãng hàng không khác	439,561	141,042	491,179	1,015,448	1,209,011
- Non Air quy đổi (*1)	594,918.08	1,131,891	2,734,205	3,055,706	3,067,516
Xếp hạng thị trường	1	1	1	1	1
Sản lượng suất ăn quy đổi	4,458,763	2,525,200	8,289,808	10,933,146	11,995,726
Cung ứng cho VNA Group	3,333,765	1,207,564	4,801,023	6,313,077	7,125,588
+ VNA quốc tế	938,386	188,500	1,560,847	3,432,095	4,427,553
+ VNA quốc nội	2,395,379	1,019,064	3,240,176	2,880,982	2,698,035
Cung ứng cho đối tác khác	1,124,999	1,317,636	3,488,785	4,620,069	4,870,138
- Các hãng hàng không khác	530,081	185,746	754,580	1,564,363	1,813,359
- Non Air quy đổi (*1)	594,918	1,131,891	2,734,205	3,055,706	3,056,779
Sản lượng chuyển bay	25,831	16,442	33,387	38,485	41,295

3.2. Hiệu quả tài chính

- Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của NCS là cung cấp suất ăn và dịch vụ handling. Ngoài ra còn có lĩnh vực tài chính và các hoạt động khác (thanh lý, thu khác). Doanh thu lĩnh vực cung cấp suất ăn chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong tổng doanh thu của NCS (từ 60% đến 70%). Tuy nhiên, giai đoạn 2020-2024 NCS bị ảnh hưởng bởi dịch covid 19 nên doanh thu, sản lượng sụt giảm mạnh. Công ty bắt đầu tìm hướng sản xuất thêm các sản phẩm nonair để tận dụng hết nguồn lực và công suất của nhà xưởng mới.

- Hoạt động tài chính của NCS: Công ty đã thực hiện các giải pháp điều hành tiền tệ linh hoạt làm giảm bớt gánh nặng trả nợ vay các gói vay dài hạn (330 tỷ đồng) của dự án NCS và vay ngắn hạn (100 tỷ đồng) bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD. Hoạt động chính lỗ từ năm 2018-2024.

- Đánh giá tình hình tài chính, tài sản, công nợ: Các khoản công nợ đều được kiểm soát chặt chẽ, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời trên sổ sách kế toán. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với khoản nợ của Công ty cổ phần Hàng không Đông Dương từ năm 2010 là 1,203 tỷ đồng. Đây là khoản phải thu Ban Giám đốc đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Khoản trích lập dự phòng đối với công nợ phải thu khó

đòi của ông Nguyễn Quốc Khánh: 0,8 tỷ đồng tương đương 50% giá trị công nợ phải thu. Ngoài ra không phát sinh thêm nợ quá hạn, nợ khó đòi.

- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân: do tình hình SXKD năm 2020-2021 lỗ nên tỷ suất này ghi nhận -16% và -24%. Từ năm 2022, Công ty bắt đầu có lãi, tỷ suất này được cải thiện đáng kể tăng lên lần lượt là 1%, 10% và năm 2024 là 35%;

- Lợi nhuận chia cho các cổ đông/thành viên góp vốn: kết quả SXKD lỗ nên Công ty không thực hiện chi trả cổ tức. Dự kiến năm 2024 xóa hết lỗ lũy kế và bắt đầu chi trả cổ tức cho các cổ đông từ LNST năm 2025.

3.3. Đầu tư

Đánh giá tình hình thực hiện đầu tư giai đoạn 2020-2024: Do kết quả SXKD của Công ty lỗ do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid 19 nên Công ty thực hiện cắt giảm triệt để các danh mục đầu tư, chỉ tập trung đầu tư những danh mục thực sự cấp thiết phục vụ SXKD.

(Biểu mẫu liên quan: BM 06)

3.4. Phát triển nguồn nhân lực (TCNL)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số lao động thực tế SDBQ (NLĐ&BĐH)	người	645	585	640	744	756
2	Năng suất lao động	Trđ/ người/ tháng	3.81	(3.26)	12.2	19.86	26.07
3	Tiền lương bình quân	trđ/ người/ tháng	8.7	7.7	11.5	14.7	18.6

3.5. Phát triển năng lực kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, thương hiệu

- Năng lực kỹ thuật: năng lực kỹ thuật của NCS đã có sự nâng cấp đáng kể trong thời gian qua.
 - + Nhà xưởng mới với trang thiết bị hiện có công suất 35.000 suất ăn/ngày đã đi vào hoạt động từ tháng 8/2018, đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vệ sinh thực phẩm;
 - + Đội ngũ đầu bếp, giám sát, cán bộ cấp trung được tăng cường về số lượng và chất lượng. Công ty đã tập trung công tác tuyển dụng và đào tạo trong suốt thời gian qua nên chất lượng nhân lực có sự cải thiện đáng kể đáp ứng tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các yêu cầu khắt khe của khách hàng;
- Chất lượng dịch vụ: chất lượng sản phẩm, dịch vụ đã được cải thiện mạnh. Trong 5 năm qua, NCS đã nhận được nhiều giải thưởng: Công ty suất ăn xuất sắc nhất do các hãng hàng không 4* hoặc 5* trao tặng, như: Vietnam Airlines, Japan Airlines, All Nippon Airways, Asiana Airlines... Chất lượng sản phẩm dịch vụ hiện tại đáp ứng được yêu cầu của các khách hàng hiện tại và tương lai.
- Thương hiệu: NCS chủ yếu đang hoạt động trong lĩnh vực suất ăn cung ứng cho hàng không và giới hạn hoạt động tại sân bay Nội Bài. Trên thế giới hiện nay đã hình thành các chuỗi công ty suất ăn hàng không như LSG Sky Chef, Gate Gourmet, CPCS... Đặc thù ở Việt Nam thì chỉ là công ty catering đơn lẻ nên thương hiệu chưa được biết đến nhiều như các hệ thống catering lớn. Đối với lĩnh vực phi hàng không, NCS đã bước đầu bước vào thị trường và tạo được dấu ấn thương hiệu.

3.6. Hợp tác

- Trong 5 năm qua, NCS chưa có các hình thức hợp tác chính thức với các đối tác khác

3.7. Đánh giá tổng quát

- Những kết quả đạt được: Trong 5 năm qua, NCS đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật về hệ thống và kinh doanh tạo nền tảng vững chắc cho tương lai cũng như mang lại lợi ích tốt cho các cổ đông. Ngoài trừ các yếu tố khách quan do việc xây dựng nhà xưởng mới, do đại dịch Covid19, lợi nhuận của Công ty luôn tăng trưởng mạnh qua các năm. Công ty đã có nền móng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai nhờ việc hoàn thiện Cơ sở sản xuất kinh doanh mới. Hệ thống quản lý chất lượng dần đạt đến tiêu chuẩn quốc tế, được khách hàng ghi nhận thông qua các đợt đánh giá hàng năm. Đội ngũ nhân sự chủ chốt có trình độ chuyên môn cao, yêu nghề và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty. Hệ thống công nghệ thông tin nền tảng như hệ thống ERP quản trị sản xuất đã được phát triển và ứng dụng hiệu quả.

- Những hạn chế: giai đoạn dịch bệnh nên doanh thu sụt giảm nghiêm trọng, việc tuyển dụng lao động rất khó khăn đặc biệt là lao động có tay nghề cao; mức thu nhập chưa đủ hấp dẫn để thu hút nhân sự có chất lượng cao; các hệ thống quản trị còn rời rạc chưa được kết nối thành hệ thống tổng thể; ...

- Môi quan hệ, vai trò, những đóng góp của DN đối với hoạt động SXKD của VNA Group và các doanh nghiệp khác trong VNA Group:

+ NCS đóng góp tích cực vào sự phát triển của Vietnam Airlines thông qua việc đáp ứng tốt nhất các yêu cầu do Tổng Công ty đề ra. Ngoài việc cung ứng dịch vụ suất ăn với chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt nhất, NCS còn hỗ trợ VNA trong các đợt chào hàng ở nước ngoài, phối hợp cung ứng các dịch vụ mới như rượu bảo thuế, đồ uống bảo thuế, duty free, bán hàng trên máy bay,... Sự đóng góp của NCS đã được ghi nhận trong nhiều thư khen của VNA cũng như các phần thưởng do VNA trao tặng.

+ Đối với các công ty con của VNA, NCS cũng đã hỗ trợ trong việc cung ứng suất ăn, dịch vụ với chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt, chi phí hợp lý;

PHẦN 2: CHIẾN LƯỢC CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2025-2030

1. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

- Sứ mệnh: Cung cấp các suất ăn, dịch vụ và giải pháp đáp ứng những chuẩn mực quốc tế, phù hợp với yêu cầu của khách hàng, có bản sắc riêng, hướng đến sự thỏa mãn toàn diện của khách hàng;
- Tầm nhìn: hướng đến trở thành doanh nghiệp cung cấp suất ăn hàng đầu tại châu Á – Thái Bình Dương.
- Giá trị cốt lõi: Lắng nghe và thấu hiểu – Cam kết và tận tâm – Tuân thủ và kỷ luật – Cải tiến liên tục, phát triển không ngừng.

2. Môi trường kinh doanh

- Môi trường vĩ mô: Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức trong hành trình phát triển kinh tế và du lịch giai đoạn 2025 – 2030
- Môi trường ngành: tổng sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không dự kiến đến năm 2030 đạt khoảng 275,9 triệu hành khách (chiếm 1,5-2% thị phần vận tải giao thông và chiếm 3-4% tổng sản lượng vận tải hành khách liên tỉnh). Tổng sản lượng hàng hóa thông qua các cảng hàng không khoảng 4,1 triệu tấn (chiếm 0,05-0,1% thị phần vận tải giao thông)

3. Phân tích doanh nghiệp (SWOT)

- Điểm mạnh:
 - Nguồn nhân lực ổn định, có nhiều kinh nghiệm; cán bộ tâm huyết, gắn bó với Công ty; đội ngũ đầu bếp có năng lực chuyên môn sâu, đáp ứng tốt yêu cầu của các hãng hàng không.
 - Trang thiết bị nhà xưởng hiện đại đáp ứng tốc độ tăng trưởng trong thời gian tới.
 - Tình hình tài chính ổn định.
 - Hệ thống ERP đã được triển khai sớm và hiệu quả. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng để quản lý, điều hành sản xuất.
 - Có hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo an toàn cho dịch vụ suất ăn hàng không. Hệ thống quy trình bao phủ các hoạt động.
 - Sản phẩm có chất lượng ổn định và độ an toàn cao.
- Điểm yếu:
 - Nhân sự có tay nghề cao khó tuyển dụng do tính cạnh tranh cao; vị trí địa lý không thuận tiện trong việc đi lại.
 - Diện tích kho chưa đáp ứng nhu cầu khi mở rộng sản xuất.
- Cơ hội:
 - Sự tăng trưởng mạnh trong lĩnh vực ẩm thực hàng ngày của người dân. Đây là cơ hội để tiếp tục tăng trưởng trong lĩnh vực phi hàng không.
 - Các hiệp định thương mại tự do sẽ mở ra cơ hội nhập khẩu hàng hóa với chi phí rẻ; nhiều cơ hội xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.
- Thách thức:
 - Thị trường suất ăn hàng không sẽ hạn chế về tăng trưởng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Hãng hàng không sẽ cắt giảm ngân sách dẫn đến giảm tiêu chuẩn, giảm giá.
 - Mặt bằng giá giảm do cạnh tranh.
 - Sản phẩm nonair chịu sức cạnh tranh lớn từ thị trường trong nước.

4. Mục tiêu, định hướng phát triển của công ty giai đoạn 2025-2030.

- Trong giai đoạn 2025-2029: Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng ổn định qua các năm trong một môi trường tính cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt. Một số định hướng chính như sau:
- Tăng cường chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tiếp tục khẳng định vị thế của thương hiệu;
- Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ;
- Ứng dụng công nghệ và tối ưu hóa quy trình;
- Mở rộng thị trường và khách hàng;

- Chú trọng phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường;
- Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

6. Kế hoạch tài chính

STT	Chỉ tiêu	2025	2026	2027	2028	2029	2030
I	Kết quả SXKD						
1	Vốn đầu tư của các CSH	179,491	179,491	179,491	179,491	179,491	179,491
	Trong đó:						
	+ Vốn đầu tư của TCT cuối kỳ báo cáo	108,006	108,006	108,006	108,006	108,006	108,006
	+ Tăng giảm vốn góp của TCT trong kỳ						
2	Tổng doanh thu	841,387	913,511	987,013	1,048,097	1,102,368	1,153,016
	- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	838,734	911,712	984,595	1,044,770	1,097,931	1,148,274
	Trong đó: Doanh thu HHĐV cung ứng cho TCT	482,988	527,904	570,136	604,344	636,653	670,702
	- Doanh thu hoạt động tài chính	2,432	1,581	2,190	3,088	4,189	4,489
	- Thu nhập khác	222	218	229	238	247	253
3	Tổng chi phí	760,832	816,772	874,167	921,880	965,008	1,004,196
	- Chi phí SXKD	752,443	809,956	869,442	919,168	962,487	1,002,471
	- Chi phí tài chính	8,389	6,816	4,724	2,712	2,521	1,725
	- Chi phí khác	-	-	-	-	-	-
4	LNTT	80,555	96,739	112,847	126,217	137,360	148,820
5	LNST	64,444	77,391	90,277	100,973	109,888	119,056
6	Lợi nhuận/cổ tức TCT được hưởng trong kỳ						
	+ Bằng tiền	32,400	42,120	48,600	54,000	59,400	64,799
	+ Bằng cổ phiếu (Giá trị theo mệnh giá)						
7	Đầu tư TTB và XDCB						
	+ Giá trị khối lượng công việc hoàn thành	59,189	34,451	32,650	32,435	33,786	41,206
	+ Giá trị giải ngân	56,847	34,841	36,560	18,975	37,246	35,406
8	Đầu tư ra ngoài DN						
II	Các chỉ số khả năng sinh lời						
1	Tỷ suất LNTT/Tổng DT (%)	10%	11%	11%	12%	12%	13%
2	Tỷ suất LNTT/Tổng TS (%)	16%	19%	22%	24%	25%	27%
3	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu BQ (%)	31%	31%	35%	37%	39%	41%
III	Một số chỉ tiêu cơ cấu tài chính						
1	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn (%)	48%	49%	51%	52%	52%	52%
2	Nợ phải trả/Vốn CSH (lần)	1.10	1.02	0.97	0.93	0.91	0.91
3	Nợ phải trả/Tổng TS (%)	0.52	0.51	0.49	0.48	0.48	0.48
4	Nợ dài hạn/Vốn CSH (lần)	0.03	-	-	-	-	-
VI	Các chỉ số khả năng thanh toán						
1	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1.91	1.98	2.03	2.07	2.10	2.10
2	Khả năng thanh toán dài hạn (lần)	43.9					
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.61	0.59	0.66	0.73	0.77	0.85
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	0.68	0.65	0.72	0.80	0.84	0.91

* Cơ sở, giả định xây dựng KH

- Giai đoạn 2025-2030, Công ty đã xóa toàn bộ lỗ lũy kế. Tình hình SXKD có lãi và bắt đầu thực hiện chia cổ tức từ LNST năm 2025.

- Tốc độ tăng trưởng sản lượng bình quân giai đoạn 2025-2030 bình quân đạt 7%/năm. Dự kiến đến năm 2030: tổng suất ăn công ty cung cấp bình quân đạt gần 50.000 suất ăn/ngày.

- Tốc độ tăng trưởng Tổng doanh thu bình quân giai đoạn 2025-2030 đạt 7%/năm, kế hoạch tới năm 2030, tổng doanh thu công ty đạt mức trên 1.150 tỷ đồng. Trong đó:

+ Kế hoạch doanh thu cung ứng cho VNA đạt mức tăng trưởng bình quân 7%/năm;

- + Kế hoạch doanh thu các hãng hàng không khác tăng trưởng bình quân 8%/năm;
- + Kế hoạch doanh thu Nonair tăng trưởng bình quân 3%/năm.
- Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận KH 2025-2030 đạt mức bình quân 13%/năm, với tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt mức bình quân 10%/năm với các giả định sau:
 - + Công ty không thực hiện chiết khấu cho Tổng công ty giai đoạn 2026-2030;
 - + Công ty chưa xây dựng phương án đầu tư xây dựng mở rộng cơ sở hạ tầng để tăng năng lực và quy mô sản xuất kinh doanh. Trong quá trình thực hiện phát sinh nhu cầu đầu tư lớn để tăng năng lực và quy mô sản xuất, công ty sẽ xin bổ sung và báo cáo tại KH năm phát sinh.
 - + Tốc độ tăng trưởng năng suất lao động bình quân KH 2025-2030 đạt 07%/năm, đạt 38,5 triệu đồng/người/tháng vào năm 2030.
 - Các khoản nợ dài hạn vay tài trợ cho dự án xây dựng cơ sở chế biến suất ăn đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vào tháng 6 năm 2027;

7. Kế hoạch phát triển nguồn lực

- Nhân lực

- + Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với các yêu cầu phát triển của Công ty, tập trung tuyển dụng, đào tạo cán bộ quản lý, nhân sự chuyên môn sâu và tay nghề cao.
- + Xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động.

- Công nghệ:

- + Đảm bảo an ninh, an toàn và thực hiện chuyển đổi số một cách sâu rộng và toàn diện bất kịp xu hướng CNTT tiên tiến.
- + Phát triển các hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc, hệ thống thông tin dự báo và quản trị dự báo, hệ thống thông tin quản lý phục vụ công tác điều hành và kiểm soát quá trình sản xuất

- Thương hiệu

- + Gắn chặt với thương hiệu Vietnam Airlines trong cả hai lĩnh vực suất ăn hàng không và phi hàng không
- + Tập trung quảng bá thương hiệu thông qua việc tham gia các giải thưởng về chất lượng của các tổ chức quản lý chất lượng trong lĩnh vực hàng không như Medina. Tham gia các hội thảo chuyên ngành nhằm quảng bá nét riêng trong hệ thống của mình.

8. Kế hoạch đầu tư

Giai đoạn 2025- 2030 đầu tư tập trung phục vụ SXKD nhằm thay thế các thiết bị đã cũ hỏng hết khấu hao, khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng, đa dạng các sản phẩm. Ngoài ra, xây dựng các hệ thống phần mềm có khả năng kết nối cao, giúp điều hành linh hoạt, áp dụng chuyển đổi số hiệu quả.

9. Nhu cầu tăng vốn điều lệ: không

10. Kế hoạch hành động, các giải pháp thực hiện kế hoạch trên từng lĩnh vực

10.1. Thương mại:

a) Sản phẩm:

- Suất ăn hàng không:
 - + Nâng cấp chất lượng sản phẩm trên các đường bay trọng điểm và suất ăn hạng C.
 - + Đa dạng hóa sản phẩm hạng Y nhằm đáp ứng yêu cầu chất lượng và chi phí của khách hàng.
 - + Phát triển các sản phẩm đông lạnh nhằm tiết kiệm chi phí và chủ động trong phục vụ.
- Phi hàng không:
 - + Nghiên cứu phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm ăn ngay như sản phẩm nóng, bánh mì, bánh ngọt, đồ uống...
 - + Phát triển dòng sản phẩm phục vụ sự kiện.
 - + Sử dụng công nghệ phù hợp tạo sự khác biệt về điều kiện bảo quản và hương vị.
- b) *Hệ thống quản trị chất lượng:*
 - Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000:2018.
 - Hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn lao động ISO 45001.
 - Hệ thống quản lý an toàn hàng không (SMS)
 - Hệ thống quản lý chất lượng HACCP
 - Tiêu chuẩn Halal do Jakim chứng nhận
 - Tiêu chuẩn, hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế IATA (IFSA và QSAI)
 - Tiêu chuẩn riêng của các khách hàng
- c) *Giá cả:*
 - Phát triển sản phẩm trên nền tảng chi phí hợp lý, phù hợp với yêu cầu của khách hàng.
- d) *Kênh phân phối:*
 - Suất ăn hàng không: Phân phối trực tiếp tại sân bay Nội Bài và một số sân bay lân cận như Cát Bi, Vân Đồn theo phương thức sản xuất tập trung tại Nội Bài, vận chuyển và phục vụ tại Cát Bi, Vân Đồn.
 - Phi hàng không: Phát triển hệ thống phân phối trực tiếp và gián tiếp thông qua đại lý, nhà phân phối. Kết hợp sử dụng kênh phân phối của Vietnam Airlines và các công ty đơn vị thành viên VNA.
- e) *Quảng bá:*
 - Thực hiện việc quảng bá và tiếp cận khách hàng hàng không thông qua giới thiệu sản phẩm dịch vụ trực tiếp; tham gia các hội chợ, hội nghị chuyên ngành hàng không và suất ăn. Tiếp cận các khách hàng tiềm năng thông qua mối quan hệ của Vietnam Airlines.
 - Mạng phi hàng không:
 - + Kết hợp quảng bá hình ảnh và sản phẩm cùng với các chương trình quảng bá của Vietnam Airlines.

- + Hoàn thiện bao bì để đưa các sản phẩm bao gói mang thương hiệu NCS lên chuyến bay để tiếp cận được với hàng khách đi máy bay. Đây là kênh tiết kiệm và tiếp cận được nhiều khách hàng tiềm năng.
- + Sử dụng công cụ online để quảng bá như facebook, zalo, viber... và một số trang web chuyên về thực phẩm tiêu dùng.

10.2. Nguồn lực:

- Tiếp tục tuyển dụng thêm các vị trí quản lý và chuyên môn quan trọng như quản lý sản xuất, đầu bếp, quản lý chất lượng, giám sát.
- Duy trì tốt hệ thống nhà xưởng, trang thiết bị.

10.3. Đầu tư:

- Việc đầu tư trang thiết bị, phương tiện vận tải, hệ thống CNTT... cần thỏa mãn các yêu cầu sau:
 - + Đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng suất ăn cũng như nâng cao hình ảnh Công ty trong việc thu hút các khách hàng mới và đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn chất lượng của hệ thống ISO 22000;
 - + Việc đầu tư các trang thiết bị được tính toán kỹ lưỡng trên cơ sở thay thế các hạng mục thiết bị cũ hỏng do đã sử dụng nhiều năm hết khấu hao.
 - + Chỉ đầu tư các trang thiết bị thực sự cần thiết tối thiểu để đảm bảo nguồn lực thiết bị phục vụ sản xuất theo tăng trưởng hàng năm đáp ứng yêu cầu của các Hãng hàng không và các khách hàng khác.
 - + Các danh mục, dự án đầu tư phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất, để phục vụ hoạt động sản xuất và trên hết phải đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và hiệu quả kinh doanh.
 - + Từng bước thực hiện công tác chuyển đổi số một cách đồng bộ.

10.4. Tài chính:

Cân đối nguồn tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư vào các dự án trọng điểm về công nghệ, nhà xưởng, công nghệ thông tin, thiết bị, xe nâng...

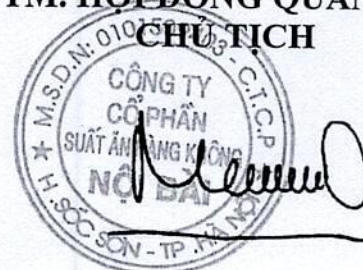
Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo đề cương đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2020-2024 và chiến lược giai đoạn 2025-2030 của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Hồng Minh

Số: 03 /TTr-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án
chi trả năm 2025 cho HĐQT, BKS**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án chi trả lương, thù lao năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

1. Chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2024:

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông và kết quả SXKD thực tế, Công ty xác định thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương cho Trưởng Ban kiểm soát như sau:

a) Thù lao của HĐQT, BKS:

❖ *Thù lao KH2024 của HĐQT, BKS xác định theo Nghị quyết số 05/NQ-NCS-ĐHĐCĐ:* 662.400.000 đồng, trong đó:

- Mức thù lao của Chủ tịch HĐQT: 12 triệu đồng/tháng;
- Mức thù lao của Thành viên HĐQT: 9,6 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên: 7,2 triệu đồng/người/tháng;

❖ Lợi nhuận TH2024 là 67,6 tỷ đồng, tăng 30% so với KH2024 (51,9 tỷ đồng). Do vậy, mức thù lao bình quân TH2024 của HĐQT, BKS được tăng tối đa 20% so với KH2024. Tổng thù lao TH2024 là 794.880.000 đồng, cụ thể:

- Mức thù lao của Chủ tịch HĐQT: 14,4 triệu đồng/tháng;
- Mức thù lao của Thành viên HĐQT: 11,5 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên: 8,6 triệu đồng/người/tháng.

b) Tiền lương TH2024 của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

❖ Tiền lương KH2024 xác định theo Nghị quyết số 05/NQ-NCS-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024: 555.600.000 đồng, tương đương với mức 46.300.000 đồng/tháng;

❖ Lợi nhuận TH2024 là 67,6 tỷ đồng, tăng 30% so với KH2024 (51,9 tỷ đồng). Do vậy, mức tiền lương bình quân TH2024 của Trưởng BKS được tăng tối đa 20% so với KH2024. Tổng tiền lương TH2024 của Trưởng BKS là 667.058.824 đồng, tương đương mức 55.588.235 đồng/tháng.

2. Phương án chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025: Thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP như sau:



- Mức thù lao của Chủ tịch HĐQT: 14,4 triệu đồng/tháng;
- Mức thù lao của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên: 11,6 triệu đồng/người/ tháng;
- Mức tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 60 triệu đồng/tháng;

Tổng tiền lương, thù lao KH2025 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 là 1.588.800.000 đồng.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Signature)

Ngô Hồng Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01./TTr-NCS-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với các nội dung chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu : 735.078.608.822 đồng
- Giảm trừ doanh thu : 26.776.552.303 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 67.608.547.724 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 54.769.101.590 đồng

2. Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được lập theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán và đã được đăng tải trên Website của Công ty, đồng thời công bố thông tin theo đúng quy định.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu.


Ngô Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 2 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 37

CÔNG TY //

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Ông Trần Việt Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2024

Ban Kiểm soát

Ông Lê Hoàng Chính	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Bà Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/04/2024
Ông Nguyễn Thế Thạch	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2024
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2024
Bà Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng: không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.



Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2025



Số: 109/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Phạm Thị Thảo

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.154.139.650	133.028.424.682
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.483.353.480	13.180.617.232
Tiền	111		13.483.353.480	13.180.617.232
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	53.000.000.000	3.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		53.000.000.000	3.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.476.084.904	100.843.125.717
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	74.679.735.010	100.805.283.349
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.840.287.621	218.650.855
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.159.747.226	1.022.876.466
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.203.684.953)	(1.203.684.953)
Hàng tồn kho	140		15.422.810.278	13.659.301.102
Hàng tồn kho	141	10	15.422.810.278	13.659.301.102
Tài sản ngắn hạn khác	150		771.890.988	1.845.380.631
Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	771.890.988	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.845.380.631
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.849.716.759	330.189.960.930
Các khoản phải thu dài hạn	210		561.078.800	721.078.800
Phải thu dài hạn khác	216	8	1.372.878.800	1.532.878.800
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(811.800.000)	(811.800.000)
Tài sản cố định	220		299.688.356.071	327.752.128.593
Tài sản cố định hữu hình	221	11	299.688.356.071	327.752.128.593
- Nguyên giá	222		566.060.443.729	564.976.261.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(266.372.087.658)	(237.224.133.318)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		4.748.831.818	4.748.831.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.748.831.818)	(4.748.831.818)
Tài sản dài hạn khác	260		10.600.281.888	1.716.753.537
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	10.600.281.888	1.716.753.537
TỔNG TÀI SẢN	270		472.003.856.409	463.218.385.612

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		289.509.813.012	335.493.443.805
Nợ ngắn hạn	310		231.597.780.209	216.981.411.002
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	74.935.787.763	61.089.610.500
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		58.279.950	10.253.581
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	10.276.508.846	1.203.440.961
Phải trả người lao động	314		53.662.533.865	31.774.485.138
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	2.107.016.374	1.907.204.911
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	533.317.447	308.159.256
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	89.753.937.994	120.156.238.685
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		270.397.970	532.017.970
Nợ dài hạn	330		57.912.032.803	118.512.032.803
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	57.912.032.803	118.512.032.803
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		182.494.043.397	127.724.941.807
Vốn chủ sở hữu	410	19	182.494.043.397	127.724.941.807
Vốn góp của chủ sở hữu	411		179.490.980.000	179.490.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		179.490.980.000	179.490.980.000
Cổ phiếu quỹ	415		(8.880.000)	(8.880.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.011.943.397	(51.757.158.193)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(51.757.158.193)	(97.940.671.487)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		54.769.101.590	46.183.513.294
TỔNG NGUỒN VỐN	440		472.003.856.409	463.218.385.612

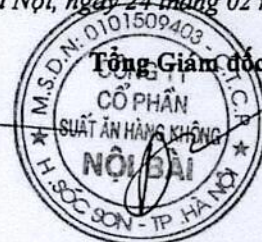
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	758.843.118.026	633.855.855.584
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	26.776.552.303	20.141.974.497
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		732.066.565.723	613.713.881.087
Giá vốn hàng bán	11	23	615.109.381.060	510.394.751.918
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		116.957.184.663	103.319.129.169
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.798.925.788	3.984.352.409
Chi phí tài chính	22	25	12.367.509.534	24.669.000.541
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.077.550.507	24.550.860.451
Chi phí bán hàng	25	26	13.881.294.686	14.879.736.267
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	26.072.465.114	21.803.328.550
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.434.841.117	45.951.416.220
Thu nhập khác	31	27	213.117.311	239.334.625
Chi phí khác	32		39.410.704	7.237.551
Lợi nhuận khác	40		173.706.607	232.097.074
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.608.547.724	46.183.513.294
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	12.839.446.134	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.769.101.590	46.183.513.294
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.052	2.573
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.052	2.573

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		67.608.547.724	46.183.513.294
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.147.954.340	29.569.688.076
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(27.575.008)	50.678.223
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.180.370.887)	(2.528.668.545)
Chi phí lãi vay	06		12.077.550.507	24.550.860.451
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		107.626.106.676	97.826.071.499
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.565.861.963	(32.360.556.782)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.763.509.176)	(1.002.678.350)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		33.877.299.428	22.044.938.566
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.883.528.351)	1.277.049.050
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.230.779.159)	(31.187.399.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.544.847.012)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		141.646.604.369	56.597.424.832
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.084.181.818)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	45.904.909
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(53.000.000.000)	(43.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	70.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		215.039.380	2.303.626.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50.369.142.438)	28.849.531.899
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		515.841.739.555	374.222.432.809
Tiền trả nợ gốc vay	34		(606.844.040.246)	(459.287.452.734)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(26.922.315.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(91.002.300.691)	(111.987.334.925)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		275.161.240	(26.540.378.194)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	13.180.617.232	39.771.673.649
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.575.008	(50.678.223)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	13.483.353.480	13.180.617.232

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101509403 ngày 07/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 22 vào ngày 08/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 16/06/2010, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 134/2010/GCNCP-VSD. Theo đó, Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã Chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 16/06/2010.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;
- Mã chứng khoán: NCS;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 17.949.098 cổ phiếu (Mười bảy triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn không trăm chín mươi tám cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 179.490.980.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 12/11/2015, Công ty chính thức giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là NCS theo Quyết định số 749/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tổng số người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 753 người (tại ngày 31/12/2023 là 742 người).

Trụ sở Công ty tại: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thực phẩm.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến suất ăn phục vụ: Hành khách của hàng không, các chuyến bay chuyên cơ;
- Dịch vụ ăn uống khác: Cung cấp suất ăn và dịch vụ cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không. Cung cấp dịch liên quan đến quá trình sản xuất, cung ứng suất ăn;
- Buôn bán đồ uống: bán buôn đồ uống có cồn và bán buôn đồ uống không có cồn;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp để chế biến suất ăn;
- Sản xuất các loại bánh từ bột.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2023.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024 số dư Tài sản ngắn hạn của Công ty (Mã số 100) thấp hơn số dư Nợ ngắn hạn (Mã số 310) số tiền (67.617.416.482) đồng. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc này không ảnh hưởng tới khả năng thanh toán và hoạt động liên tục của Công ty vì những lý do sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giả định hoạt động liên tục (tiếp)

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty dần hồi phục và phát triển qua các năm, cụ thể, Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 118,3 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 54,77 tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2023. Bên cạnh đó, Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 tiếp tục dương 140 tỷ đồng (năm 2023 là 56,6 tỷ đồng).
- Trong năm 2025, dựa trên tình hình lịch bay của các hãng, Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh với mức doanh thu và lợi nhuận dự kiến cao hơn năm 2024. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2025 dự kiến đạt 63,18 tỷ đồng.
- Trong năm 2024, các khoản nợ đến hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn, các khoản nợ tín dụng đều được Công ty tuân thủ đúng thời hạn thanh toán. Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá thời hạn thanh toán;

Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng việc Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được xác định tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn tùy theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua phần mềm mới không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán vào tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 03 đến 05 năm.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

3.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ.

3.14 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

3.15 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); Chi phí bằng tiền khác.

3.16 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

3.17 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả cho năm hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.483.353.480	13.180.617.232
Cộng	13.483.353.480	13.180.617.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	53.000.000.000	53.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Lộc phát Việt Nam (i)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (i)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng	53.000.000.000	53.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,2 – 5,8%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	31.573.886.656	-	67.336.224.537	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	4.760.700.050	-	4.035.544.558	-
- Công ty TNHH Green Biomix	3.628.503.574	-	1.949.996.196	-
- Korean Air	3.561.054.174	-	2.740.508.881	-
- Cathay Pacific Airways	2.982.304.212	-	1.088.735.763	-
- Công ty Cổ phần Vinschool	2.818.991.704	-	2.015.553.258	-
- Emirates	2.741.834.478	-	5.949.637.791	-
- Starlux Airlines	2.689.903.376	-	-	-
- China Airlines Limited	1.761.582.536	-	1.251.084.984	-
- Japan Airlines	1.378.597.027	-	1.618.348.740	-
- Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	1.203.684.953	(1.203.684.953)	1.203.684.953	(1.203.684.953)
- Asiana Airlines	865.917.994	-	1.553.165.470	-
- Các khách hàng khác	14.712.774.276	-	10.062.798.218	-
Cộng	74.679.735.010	(1.203.684.953)	100.805.283.349	(1.203.684.953)
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	37.626.037.697	-	72.845.544.721	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Thương mại Thiên Linh	956.553.500	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Công nghệ Môi trường	741.805.200	-	-	-
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	306.588.733	-	-	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Thiết bị ATTSTV	248.405.400	-	-	-
- Công ty TNHH Thực phẩm Gia Bách	188.984.146	-	-	-
- Công ty TNHH Nguyên Hồng	134.784.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thành Công	-	-	73.080.609	-
- Các khách hàng khác	263.166.642	-	145.570.246	-
Cộng	2.840.287.621	-	218.650.855	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	306.588.733	-	-	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	2.159.747.226	-	1.022.876.466	-
- Tạm ứng	671.955.185	-	534.806.958	-
- Lãi tiền gửi dự thu	1.027.660.274	-	62.328.767	-
- Phải thu khác	460.131.767	-	425.740.741	-
b) Dài hạn	1.372.878.800	(811.800.000)	1.532.878.800	(811.800.000)
- Ông Nguyễn Quốc Khánh	983.600.000	(811.800.000)	1.143.600.000	(811.800.000)
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	389.278.800	-	389.278.800	-
Cộng	3.532.626.026	(811.800.000)	2.555.755.266	(811.800.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương (*)	1.203.684.953	-	(1.203.684.953)	1.203.684.953	-	(1.203.684.953)
- Ông Nguyễn Quốc Khánh (**)	1.143.600.000	331.800.000	(811.800.000)	1.303.600.000	491.800.000	(811.800.000)
Cộng	2.347.284.953	331.800.000	(2.015.484.953)	2.507.284.953	491.800.000	(2.015.484.953)

(*) Đây là khoản phải thu đã quá hạn trên 5 năm, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá không có khả năng thu hồi và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các năm trước.

(**) Theo hợp đồng đặt cọc 25/HĐĐC-NCS ngày 15/04/2019 với ông Nguyễn Quốc Khánh về việc thuê mặt bằng, số tiền đặt cọc ban đầu là 1.623.600.000 đồng sẽ được hoàn lại trong vòng 10 năm, mỗi năm thanh toán 160.000.000 VND trước ngày 31/12 hàng năm; Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc công ty, vẫn còn tồn tại các rủi ro trong khoản phải thu của đối tượng trên do thời gian phải thu dài, ảnh hưởng của lạm phát,... nên đã trích lập dự phòng tổn thất với tỷ lệ 50% trên số dư nợ gốc ban đầu khoản phải thu trên.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	11.844.805.684	-	11.922.428.680	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.578.004.594	-	1.736.872.422	-
Cộng	15.422.810.278	-	13.659.301.102	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật, kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	184.803.727.721	231.512.708.769	105.606.074.950	43.053.750.471	564.976.261.911
- Mua trong năm	-	1.084.181.818	-	-	1.084.181.818
31/12/2024	184.803.727.721	232.596.890.587	105.606.074.950	43.053.750.471	566.060.443.729
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(20.242.064.798)	(102.333.719.489)	(78.057.486.462)	(36.590.862.569)	(237.224.133.318)
- Khấu hao trong năm	(3.696.074.556)	(14.961.944.938)	(6.856.991.617)	(3.632.943.229)	(29.147.954.340)
31/12/2024	(23.938.139.354)	(117.295.664.427)	(84.914.478.079)	(40.223.805.798)	(266.372.087.658)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	164.561.662.923	129.178.989.280	27.548.588.488	6.462.887.902	327.752.128.593
31/12/2024	160.865.588.367	115.301.226.160	20.691.596.871	2.829.944.673	299.688.356.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn được sử dụng là 67.570.367.498 VND (tại ngày 01/01/2024 là 65.132.835.729 VND).

Tại ngày 31/12/2024, tài sản công ty được thế chấp được trình bày tại Thuyết minh 18 “Vay nợ và thuê tài chính” bao gồm:

- Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của “Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài” và quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán phát sinh từ “Cơ sở chế biến suất ăn hàng không Nội Bài” đã được thế chấp theo hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVĐATL/NHCT1444-NCS ngày 13/06/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh.

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

Là các phần mềm, có tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2024 là 4.748.831.818 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 4.748.831.818 đồng) đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Công cụ dụng cụ	3.156.172.342	915.843.637
- Sửa chữa thường xuyên, chi phí khác	7.444.109.546	800.909.900
Cộng	10.600.281.888	1.716.753.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Thiên Sơn	7.645.724.694	7.645.724.694	4.896.740.587	4.896.740.587
- Công ty TNHH Thương mại & Đầu tư Phát triển Trí Đức	3.096.720.000	3.096.720.000	2.566.192.000	2.566.192.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập Khẩu Nhất Lâm	5.705.700.881	5.705.700.881	4.196.578.023	4.196.578.023
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phú Đức	4.052.614.050	4.052.614.050	3.364.889.230	3.364.889.230
- Công ty TNHH Thương mại Dương Quang	3.228.564.200	3.228.564.200	2.701.549.584	2.701.549.584
- Công ty TNHH Aden Services Việt Nam- CN Hà Nội	2.514.103.835	2.514.103.835	2.623.630.424	2.623.630.424
- Công ty TNHH Thực phẩm Cao cấp	2.053.700.944	2.053.700.944	1.712.471.920	1.712.471.920
- Công ty TNHH Việt Trang	2.060.752.500	2.060.752.500	1.653.590.400	1.653.590.400
- Công ty Cổ phần Xuất nhập Khẩu EUFOOD Việt Nam	1.896.707.364	1.896.707.364	1.851.949.608	1.851.949.608
- Công ty Cổ phần Thực phẩm NIPPONHAM Việt Nam	2.115.776.009	2.115.776.009	1.809.137.442	1.809.137.442
- Các nhà cung cấp khác	40.565.423.286	40.565.423.286	33.712.881.282	33.712.881.282
Cộng	74.935.787.763	74.935.787.763	61.089.610.500	61.089.610.500
Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	544.815.458	544.815.458	516.225.677	516.225.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	365.169.184	18.775.775.968	19.140.945.152	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.994.065.503	1.544.847.012	9.449.218.491
- Thuế thu nhập cá nhân	838.271.777	1.887.640.759	1.898.622.181	827.290.355
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.056.104.426	1.056.104.426	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.562.125	13.562.125	-
	1.203.440.961	32.727.148.781	23.654.080.896	10.276.508.846
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.845.380.631	1.845.380.631	-	-
	1.845.380.631	1.845.380.631	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	105.032.877	258.261.529
- Chi phí phải trả bán trả sữa	1.110.484.710	1.006.339.101
- Chi phí điện sản xuất	798.325.600	-
- Các khoản trích trước khác	93.173.187	642.604.281
Cộng	2.107.016.374	1.907.204.911

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	46.853.720	49.667.870
- Kinh phí công đoàn	209.141.291	2.217.158
- Bảo hiểm y tế	49.298.341	50.099.422
- Bảo hiểm thất nghiệp	43.544.095	43.934.806
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	184.480.000	162.240.000
Cộng	533.317.447	308.159.256

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	120.156.238.685	120.156.238.685	576.441.739.555	606.844.040.246	89.753.937.994	89.753.937.994
Vay ngắn hạn	79.756.238.685	79.756.238.685	515.841.739.555	546.244.040.246	49.353.937.994	49.353.937.994
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (**)	29.771.660.069	29.771.660.069	457.289.917.128	453.618.841.075	33.442.736.122	33.442.736.122
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	14.993.457.918	14.993.457.918	12.728.855.723	27.722.313.641	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	34.991.120.698	34.991.120.698	-	34.991.120.698	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (***)	-	-	45.822.966.704	29.911.764.832	15.911.201.872	15.911.201.872
Vay dài hạn	40.400.000.000	40.400.000.000	60.600.000.000	60.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	40.400.000.000	40.400.000.000	60.600.000.000	60.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	40.400.000.000	40.400.000.000	60.600.000.000	60.600.000.000	40.400.000.000	40.400.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	118.512.032.803	118.512.032.803	-	60.600.000.000	57.912.032.803	57.912.032.803
Vay dài hạn	118.512.032.803	118.512.032.803	-	60.600.000.000	57.912.032.803	57.912.032.803
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (*)	118.512.032.803	118.512.032.803	-	60.600.000.000	57.912.032.803	57.912.032.803
Cộng	238.668.271.488	238.668.271.488	576.441.739.555	667.444.040.246	147.665.970.797	147.665.970.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY NỢ VÀ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(*) Hợp đồng tín dụng số 68/2017/HĐCVDADTL/NHCT144-NCS ngày 13/6/2017 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và các phụ lục điều chỉnh với hạn mức 330.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 120 tháng.

Lãi suất của hợp đồng:

- Lãi suất 7,5%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Sau 12 tháng lãi suất được áp dụng là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 1,8%/năm;
- Lãi vay được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ thanh toán lãi đầu tiên là ngày 25/9/2017.

Tài sản thế chấp:

- Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính 261.640.751.959 VND;
- Quyền tài sản, lợi ích phát sinh, các khoản bảo hiểm, lợi thế thương mại và các khoản thanh toán khác phát sinh từ Dự án đầu tư “Cơ sở chế biến suất ẩm hàng không Nội Bài – Giai đoạn I” theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCMMTB/NHCCT144-NCS ngày 12/6/2017 với giá trị tạm tính là 477.349.160.000 VND.

Thời gian ân hạn gốc của khoản vay được xác định là 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên.

Trong vòng năm (05) ngày làm việc sau “ngày cuối cùng của Thời gian Ân hạn”, bên cho vay sẽ lập và thông báo lịch trả nợ gốc xác định số dư nợ gốc phải thanh toán từng kỳ. Nợ gốc sẽ được thanh toán trong ba mươi hai (32) kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng vào ngày trùng với ngày thanh toán lãi tương ứng.

(**) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/2024/HĐCVHM/NHCT144-NCS ký ngày 06/08/2024 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh, với hạn mức tín dụng 70.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động.

(***) Hợp đồng tín dụng số 2802LAV2024 ký tháng 05 năm 2024 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, với hạn mức tín dụng 40.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng, lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	179.490.980.000	(8.880.000)	(97.940.671.487)	81.541.428.513
- Lãi trong năm	-	-	46.183.513.294	5.303.895.309
31/12/2023	179.490.980.000	(8.880.000)	(51.757.158.193)	127.724.941.807
01/01/2024	179.490.980.000	(8.880.000)	(51.757.158.193)	127.724.941.807
- Lãi trong năm	-	-	54.769.101.590	54.769.101.590
31/12/2024	179.490.980.000	(8.880.000)	3.011.943.397	182.494.043.397

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	108.006.070.000	60,17%	108.006.070.000	60,17%
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	18.001.000.000	10,03%	18.001.000.000	10,03%
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	3.060.150.000	1,70%	3.060.150.000	1,70%
- Cổ đông khác	50.423.760.000	28,09%	50.423.760.000	28,09%
Cộng	179.490.980.000	100,00%	179.490.980.000	100,00%

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.970.057	17.970.057
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.949.098	17.949.098
+ Cổ phiếu phổ thông	17.949.098	17.949.098
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	888	888
+ Cổ phiếu phổ thông	888	888
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.948.210	17.948.210
+ Cổ phiếu phổ thông	17.948.210	17.948.210
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
- Dollar Mỹ (USD)	18.678,98	142.155,90

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu	758.843.118.026	633.855.855.584
- Doanh thu cung cấp suất ăn	636.987.049.378	525.008.775.888
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	121.544.364.648	108.585.364.696
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và kinh doanh khác	311.704.000	261.715.000
Cộng	758.843.118.026	633.855.855.584
b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 31	452.596.986.045	393.823.900.584

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	26.776.552.303	20.141.974.497
+ Chiết khấu thương mại	26.776.552.303	20.141.974.497
Cộng	26.776.552.303	20.141.974.497

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn cung cấp suất ăn	496.781.657.081	408.356.184.760
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	118.327.723.979	102.038.567.158
Cộng	615.109.381.060	510.394.751.918

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.180.370.887	2.482.763.636
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.590.979.893	1.501.588.773
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	27.575.008	-
Cộng	2.798.925.788	3.984.352.409

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	12.077.550.507	24.550.860.451
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	137.939.639	6.619.568
- Chiết khấu thanh toán	152.019.388	59.745.307
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	51.775.215
Cộng	12.367.509.534	24.669.000.541

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	26.072.465.114	21.803.328.550
- Chi phí nhân viên quản lý	15.998.398.142	12.648.718.133
- Chi phí đồ dùng văn phòng	391.581.814	573.159.817
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.402.698.933	2.639.980.755
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.668.658	184.036.377
- Chi phí bằng tiền khác	7.081.117.567	5.757.433.468
b) Các khoản chi phí bán hàng	13.881.294.686	14.879.736.267
- Chi phí chăm sóc khách hàng, chế thử, chào hàng	10.638.194.686	12.370.016.267
- Phí nhượng quyền khai thác	3.243.100.000	2.509.720.000
Cộng	39.953.759.800	36.683.064.817

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	45.904.909
- Các khoản khác	213.117.311	193.429.716
	213.117.311	239.334.625

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	304.343.296.939	253.533.892.532
- Chi phí nhân công	194.117.179.087	154.085.823.567
- Khấu hao tài sản cố định	29.147.954.340	29.569.688.076
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.353.638.970	42.576.641.518
- Chi phí bằng tiền khác	77.101.071.524	67.360.146.042
	655.063.140.860	547.126.191.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.608.547.724	46.183.513.294
Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.280.532.251	1.092.225.755
- Các khoản chi phí không được trừ	10.280.532.251	1.092.225.755
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	77.889.079.975	47.275.739.049
Chuyển lỗ	(13.691.849.308)	(11.547.923.136)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	12.839.446.134	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.839.446.134	-

Chuyển lỗ

Năm phát sinh	Chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế	Chưa sử dụng đến ngày 01/01/2024	Chuyển lỗ trong năm 2024	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2024
			VND		VND	VND
2021	2026	Chưa QT	(51.263.328.132)	(13.691.849.308)	13.691.849.308	-
Cộng lỗ tính thuế			(51.263.328.132)	(13.691.849.308)	13.691.849.308	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.769.101.590	46.183.513.294
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (CP)	17.948.210	17.948.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) (VND/CP)	3.052	2.573

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Cùng Tập đoàn
3	Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	Cùng Tập đoàn
6	Công ty Bay Dịch vụ Hàng không Vasco	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	Cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

STT	Tên	Mối quan hệ
11	Công ty Cổ phần Sarbe Việt Nam	Cùng Tập đoàn
12	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Cùng Tập đoàn
14	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	Cùng Tập đoàn
15	Trung tâm Bông sen vàng	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Hàng không	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	Cùng Tập đoàn

31.2. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	452.596.986.045	393.823.900.584
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	438.243.942.814	383.017.280.701
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Khác	1.004.747.392	951.895.973
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	1.365.550.000	1.885.325.884
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	167.930.854	241.017.982
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	7.248.240.393	7.132.116.184
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài - Nasco	218.361.255	510.337.958
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt	1.063.879.534	85.925.902
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	3.284.333.803	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.665.578.113	3.246.471.422
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	2.409.294.476	2.365.942.191
- Công ty Cổ phần Giao nhận hàng hóa Nasco	308.655.854	192.791.645
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	772.855.680	687.737.586
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	174.772.103	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.3. SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	37.626.037.697	72.845.544.721
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	31.573.886.656	67.336.224.537
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP-Khác	232.829.227	696.873.300
- Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	981.180.000	655.154.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	16.944.552	23.452.362
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Đà Nẵng	60.497.212	98.295.964
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	4.760.700.050	4.035.544.558
Trả trước cho người bán ngắn hạn	306.588.733	-
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP	306.588.733	-
	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	544.815.458	516.225.677
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	428.247.352	434.553.472
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất Sân bay Việt Nam	83.720.824	63.336.168
- Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa Nasco	32.847.282	18.336.037

31.4. THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Ngô Hồng Minh	Chủ tịch	172.800.000	109.440.000
Ông Nguyễn Văn Hùng Cường	Thành viên	138.240.000	92.160.000
Ông Trần Việt Hải	Thành viên	79.440.000	-
Bà Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên	58.800.000	92.160.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc	987.055.939	897.660.000
Ông Phạm Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	804.739.927	556.700.000
Ông Chu Khánh Linh	Kế toán trưởng	732.129.133	616.837.500
Ban Kiểm soát			
Ông Lê Hoàng Chính	Trưởng ban	533.750.000	-
Bà Đỗ Thị Minh Lý	Trưởng ban	141.750.000	630.288.000
Ông Vũ Mạnh Phú	Thành viên	29.700.000	77.760.000
Ông Nguyễn Thế Thạch	Thành viên	73.980.000	-
Bà Phan Thị Thúy Quyên	Thành viên	885.540.400	702.564.585
		4.637.925.399	3.775.570.085

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.5. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

31.6. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không tại Sân bay Quốc tế Nội Bài. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số 21 và 23 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của công ty.

31.7. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

31.8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Chu Khánh Linh



Nguyễn Văn Dũng



TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

1. Lợi nhuận thực hiện:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : 67.608.547.724 đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp : 12.839.446.134 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 54.769.101.590 đồng
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước : 51.757.158.193 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 3.011.943.397 đồng

2. Phương án phân phối:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động, Công ty kính trình Hội đồng quản trị phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

TT	Phương án phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.011.943.397
1	Các khoản trích	2.783.014.658
1.1	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.403.014.658
1.2	Khen thưởng HĐQT, BKS, BDH	480.000.000
2	Lợi nhuận còn lại để chia cho cổ đông năm 2024	128.928.739
3	Lợi nhuận còn lại các năm trước	-
4	Lợi nhuận chia cổ tức	128.928.739
4.1	Vốn điều lệ	179.490.980.000
4.2	Tổng giá trị cổ phiếu không được chia cổ tức	8.880.000
4.3	Tổng giá trị cổ phiếu được chia cổ tức	179.482.100.000
4.4	Cổ tức đã tạm ứng (nếu có)	-

TT	Phương án phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)
4.5	Lợi nhuận được chia cổ tức	128.928.739
4.6	Cổ tức được chia trên mỗi cổ phiếu	
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	128.928.739

Căn cứ phân phối lợi nhuận sau thuế:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 2.403.014.658 đồng được tính như sau:
 - + Trích tối đa 01 tháng tiền lương thực hiện nhưng không vượt quá 10% LNST năm 2024 (sau khi đã bù hết khoản lỗ lũy kế của các năm trước: 301.194.340 đồng;
 - + Trích bổ sung tối đa bằng 20% lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch nhưng không quá 01 tháng lương thực hiện: 2.101.820.318 đồng.
- Khen thưởng Ban Điều hành: 480 triệu đồng (không vượt quá 1,5 tháng lương, thù lao bình quân thực hiện của Người quản lý doanh nghiệp).
- Lợi nhuận còn lại được chia cổ tức năm 2024 là 128.928.739 đồng.

Với mức lợi nhuận còn lại (sau khi trích lập các quỹ) chưa phân phối 129 triệu đồng, Công ty xin kính trình ĐHĐCĐ cho phép được giữ lại để bổ sung dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh và sẽ phân phối cùng với lợi nhuận sau thuế của năm 2025.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty như trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Chữ ký)

Ngô Hồng Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**

Số: 02/TTr-NCS-HĐQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v ký hợp đồng giữa Công ty và TCT Hàng không Việt Nam-CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty ngày 29/6/2021;

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (TCTHK) là cổ đông lớn của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài (NCS) với tỷ lệ sở hữu là 60,17% tổng số cổ phần phổ thông của NCS, đồng thời TCTHK cũng là khách hàng lớn của NCS, việc duy trì hợp đồng cung cấp suất ăn, dịch vụ với TCTHK là rất quan trọng (giá trị giao dịch trong 5 năm vừa qua (2019 - 2024) của NCS với VNA lần lượt: năm 2019 là 357 tỷ đồng (bằng 53% tổng TS năm liền trước); riêng năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng dịch bệnh, giao dịch sụt giảm chỉ còn là 186 tỷ đồng và 85 tỷ đồng (tương ứng bằng 31% và 15% tổng TS của các năm liền trước); năm 2022 là 289,9 tỷ đồng (bằng 57% tổng TS năm liền trước); năm 2023 là 374,2 tỷ đồng (bằng 72,8% tổng TS năm liền trước); năm 2024 là 427,96 tỷ đồng (bằng 92,3% tổng TS của năm liền trước). Năm 2025 và các năm tiếp theo, NCS sẽ thực hiện ký kết Hợp đồng cung cấp suất ăn và các dịch vụ liên quan cho VNA với giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của NCS được ghi trong các Báo cáo tài chính gần nhất.

Theo Điểm n Khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty quy định việc: "Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất" thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Hợp đồng cung cấp suất ăn và dịch vụ hiện tại gồm Hợp đồng chính và các Phụ lục, Phụ kiện. Theo đánh giá, sau khi hai bên ký hợp đồng mới, trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ có nhiều phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh tiêu chuẩn dịch vụ, thực đơn, đơn giá... để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ của TCTHK cũng như nhu cầu của thị trường. Do việc thay đổi các nội dung trong Hợp đồng và các



Phụ lục phải báo cáo ĐHCĐ thông qua nên để tạo điều kiện cho NCS chủ động hơn trong việc triển khai Hợp đồng với TCTHK và đơn giản bớt các thủ tục, những nội dung phát sinh nêu trên có thể xem xét, kiến nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt sửa đổi Hợp đồng và báo cáo các cổ đông kết quả sau khi thực hiện, cụ thể như sau:

1) Chấp thuận cho Công ty ký Hợp đồng cung cấp suất ăn và dịch vụ với Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP;

2) Giao Hội đồng quản trị Công ty:

- Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của Hợp đồng bao gồm cả những nội dung phát sinh (nếu có);

- Chỉ đạo Công ty ký kết Hợp đồng với Tổng Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP và triển khai thực hiện Hợp đồng theo đúng quy định.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo tuân thủ các quy định khác tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan và báo cáo cho cổ đông và Đại hội trong Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm về nội dung thực hiện Hợp đồng với TCTHK.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Hồng Minh



HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG SUẤT ĂN

HỢP ĐỒNG CHÍNH

Hợp đồng này (bao gồm Hợp đồng chính, Phụ lục A và (các) phụ lục B, sau đây gọi là Hợp đồng), được lập ngày ... tháng ... năm ... giữa:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

có trụ sở chính tại: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "**Hãng hàng không**"

và:

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

có trụ sở chính tại: Sân bay Nội Bài, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "**Công ty cung ứng suất ăn**".

Các bên cùng đồng ý với các thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1

TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ VÀ DỊCH VỤ:

1.1. Điều khoản chung

Công ty cung ứng suất ăn đứng tên trong Hợp đồng này chịu trách nhiệm cung cấp cho Hãng hàng không các dịch vụ được cụ thể hoá trong các điều 1.2, 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này (sau đây được gọi là Dịch vụ) phù hợp với các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng.

1.2. Các chuyến bay theo lịch

Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm cung ứng các Dịch vụ ghi tại Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B cho máy bay được khai thác bởi Hãng hàng không hoặc khai thác theo uỷ quyền của Hãng hàng không để thực hiện các chuyến bay theo lịch tại (các) địa điểm tương ứng được nêu tại (các) Phụ lục B. Ngược lại, Hãng hàng không cam kết thông báo cho Công ty cung ứng suất ăn trong thời gian sớm nhất có thể được các thay đổi về lịch bay và/hoặc tần suất bay và/hoặc loại máy bay khai thác.

1.3. Các chuyến bay đặc biệt

Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp các Dịch vụ ghi trong Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B cho các máy bay thực hiện các chuyến bay không theo lịch được khai thác bởi Hãng hàng không hoặc khai thác theo uỷ quyền của Hãng hàng không tại (các) địa điểm tương ứng được nêu tại (các) Phụ lục B với điều kiện Hãng hàng không thông báo trước cho Công ty cung ứng suất ăn một cách hợp lý và việc cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay đặc biệt này sẽ không ảnh hưởng gì tới các cam kết đã được thoả thuận giữa hai bên.

1.4. Thứ tự ưu tiên

Trong trường hợp phục vụ nhiều chuyến bay và trong khả năng cho phép, các chuyến bay khai thác đúng giờ sẽ được ưu tiên phục vụ trước.

1.5. Các dịch vụ khác

Trong khả năng cho phép, Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp cho Hãng hàng không các dịch vụ khác nếu Hãng hàng không yêu cầu. Các dịch vụ này sẽ được điều chỉnh bằng các điều khoản đặc biệt được thoả thuận giữa hai bên.

1.6. Các sân bay khác

Trong trường hợp nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ của máy bay của Hãng hàng không tại các sân bay không phải là địa điểm đã qui định trong Hợp đồng này mà tại địa điểm đó Công ty cung ứng suất ăn có chi nhánh cung cấp dịch vụ, Công ty cung ứng suất

ăn sẽ nỗ lực hết sức, trong điều kiện các phương tiện và trang thiết bị sẵn có tại địa điểm đó, cung cấp các dịch vụ cần thiết cho Hãng hàng không theo yêu cầu.

1.7. Không có khả năng cung cấp dịch vụ

Trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp cho Hãng hàng không tất cả hoặc một số Dịch vụ đã được đề cập đến tại Điều 1.3, 1.5 và 1.6, Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải thông báo cho Hãng hàng không ngay khi nhận được yêu cầu của Hãng hàng không về việc cung cấp các Dịch vụ này.

ĐIỀU 2

THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

2.1. Bảo mật

Mỗi Bên có trách nhiệm thực hiện và đảm bảo rằng người phục vụ, người lao động, đại lý và (các) đại diện có thẩm quyền của mình thực hiện các điều khoản của Hợp đồng này theo nguyên tắc bảo mật nghiêm ngặt nhất. Không Bên nào được phép tiết lộ, phổ biến các thông tin liên quan đến Bên kia hoặc các công việc do các Bên thực hiện liên quan đến Hợp đồng này nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên mà thông tin bị tiết lộ, việc chấp thuận bằng thể thức văn bản này không thể bị trì hoãn hoặc từ chối mà không có lý do hợp lý. Tuy nhiên, một Bên có thể tiết lộ các thông tin trên của Bên kia nếu các thông tin này rõ ràng đã được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm thông tin này bị tiết lộ; hoặc theo yêu cầu của pháp luật hiện hành hoặc các quy định của chính phủ hoặc nhà chức trách mà theo đó Bên đó được yêu cầu phải tiết lộ thông tin. Trong trường hợp này, Bên được yêu cầu phải tiết lộ thông tin phải thông báo trước cho Bên kia trước mỗi lần thực hiện tiết lộ thông tin.

ĐIỀU 3

NHÀ THẦU PHỤ

3.1. Công ty cung ứng suất ăn có thể uỷ quyền thực hiện bất cứ một Dịch vụ nào của Hợp đồng cho các Nhà thầu phụ của mình nếu đã đạt được thoả thuận bằng văn bản trước với Hãng hàng không. Việc thoả thuận bằng thể thức văn bản như trên không thể bị trì hoãn hoặc từ chối mà không có lý do hợp lý. Công ty cung ứng suất ăn trong mọi thời điểm sẽ vẫn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Hãng hàng không về tính chính xác và hoàn chỉnh của việc cung ứng các Dịch vụ đã uỷ quyền cho (các) nhà thầu phụ này như trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn tự mình cung ứng Dịch vụ đó. Từng Dịch vụ được uỷ quyền cho Nhà thầu phụ sẽ được ghi rõ trong (các) Phụ lục B liên quan.

3.2. Hãng hàng không sẽ không chỉ định bất kỳ một cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào khác để cung ứng các Dịch vụ mà Công ty cung ứng suất ăn đã đồng ý cung cấp trong phạm vi của Hợp đồng này, ngoại trừ các trường hợp đã quy định trong Điều khoản phụ 1.7 và 12.3 của Hợp đồng này và trong các trường hợp đặc biệt khác mà hai Bên hoàn toàn nhất trí với nhau.

ĐIỀU 4

ĐẠI DIỆN CỦA HÃNG HÀNG KHÔNG

4.1. Hãng hàng không có thể bổ trí đại diện riêng của mình tại (các) địa điểm quy định tại (các) Phụ lục hợp đồng, với chi phí do Hãng hàng không đảm nhiệm. Các đại diện riêng này hoặc đại diện của trụ sở chính của Hãng hàng không sẽ có quyền kiểm tra nhà xưởng, máy móc được sử dụng để lưu trữ, chuẩn bị, sản xuất và vận chuyển các yếu tố cần thiết hoặc có liên quan đến việc cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không, cũng như có quyền kiểm tra các Dịch vụ sẽ được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không theo các thoả thuận tại Hợp đồng. Các đại diện có thể tư vấn hoặc hỗ trợ Công ty cung ứng suất ăn, đồng thời Công ty cung ứng suất ăn cũng sẽ nỗ lực hết khả năng để tuân thủ theo các hướng dẫn của các đại diện của Hãng hàng không đưa ra đối với Công ty cung ứng suất ăn.

4.2. Công ty cung ứng suất ăn sẽ hợp tác và cung cấp các trang thiết bị cần thiết cho đại diện của Hãng hàng không thực hiện việc kiểm tra theo Điều 4.1 để đại diện này hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả. Việc kiểm tra này có thể được thực hiện mà không cần thông báo trước và sẽ không ảnh hưởng đến quyền khiếu kiện sau này của Hãng hàng

không đối với Công ty cung ứng suất ăn. Công ty cung ứng suất ăn có quyền cử một đại diện của mình thực hiện kiểm tra cùng với đại diện của Hãng hàng không.

- 4.3. Hãng hàng không có thể thuê một tổ chức (sau đây được gọi là "Đại diện được uỷ nhiệm") tiến hành kiểm tra Dịch vụ của Công ty cung ứng suất ăn tại (các) địa điểm đã được quy định trong (các) Phụ lục B, nhưng phải có thông báo trước cho Công ty cung ứng suất ăn bằng văn bản và chi phí cho cuộc kiểm tra đó do Hãng hàng không đảm nhiệm. Thông báo này phải nêu rõ các danh mục Dịch vụ sẽ được kiểm tra. Các Đại diện được uỷ nhiệm này sẽ có các quyền giống như các đại diện riêng của chính Hãng hàng không được quy định trong Điều 4.1.
- 4.4. Việc các Đại diện riêng hoặc Đại diện được uỷ nhiệm của Hãng hàng không hướng dẫn và hỗ trợ Công ty cung ứng suất ăn sẽ không làm giảm trách nhiệm của Công ty cung ứng suất ăn đối với Hãng hàng không trong việc thực hiện đầy đủ, chính xác và hợp lý các Dịch vụ theo Hợp đồng.
- 4.5. Các trang thiết bị văn phòng và văn phòng do Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không với mục đích để cho Đại diện riêng hoặc Đại diện được uỷ nhiệm của Hãng hàng không thực hiện các công việc trên sẽ được quy định trong một Hợp đồng riêng biệt.

ĐIỀU 5

TIÊU CHUẨN CÔNG VIỆC

- 5.1. Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm cung cấp mọi Dịch vụ cho Hãng hàng không theo đúng các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung dịch vụ và các quy trình được quy định trong (các) Phụ lục B.
- 5.2. Đối với các chuyến bay theo lịch đã được quy định trong Điều 1.2, Công ty cung ứng suất ăn có trách nhiệm luôn luôn cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không theo các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung dịch vụ và các bảng hướng dẫn trong (các) Phụ lục B của Hợp đồng này, cũng như theo các bản ghi chi tiết về đặc điểm, nội dung Dịch vụ và các bảng hướng dẫn được Hãng hàng không cung cấp cho Công ty cung ứng suất ăn để cập nhật cho từng giai đoạn cụ thể (dưới đây được gọi là "Hướng dẫn"). Công ty cung ứng suất ăn phải xác nhận bằng văn bản cho Hãng hàng không về việc đã nhận được các Hướng dẫn trên. Các Bên đồng ý rằng tất cả các Hướng dẫn này sẽ hợp nhất và trở thành một bộ phận của Hợp đồng. Trong trường hợp không có Hướng dẫn của Hãng hàng không đối với một công việc nào đó, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thực hiện công việc đó theo các tiêu chuẩn và quy trình hiện hành của mình.
- 5.3. Các Dịch vụ, khác với loại cung ứng cho các chuyến bay theo lịch và thực hiện theo Điều 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này, sẽ được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp theo các yêu cầu cụ thể của Hãng hàng không trừ khi Công ty cung ứng suất ăn thông báo cho Hãng hàng không về việc không có khả năng cung ứng các Dịch vụ này ngay khi nhận được yêu cầu của Hãng hàng không. Hai Bên sau đó sẽ thoả thuận cụ thể về việc cung ứng các dịch vụ đặc biệt này. Trong trường hợp Hãng hàng không không có yêu cầu hoặc thoả thuận cụ thể đối với các dịch vụ này, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thực hiện công việc đó theo các tiêu chuẩn và quy trình hiện hành của mình.
- 5.4. Công ty cung ứng suất ăn cam kết thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng, đối với các dịch vụ và các tiêu chuẩn được thoả thuận trong Hợp đồng, máy bay, tổ bay và hành khách của Hãng hàng không sẽ nhận được sự phục vụ không kém hơn sự phục vụ của Công ty cung ứng suất ăn đối với các hãng hàng không khác cũng như sự phục vụ tương tự khác có thể so sánh được tại cùng địa điểm.
- 5.5. Công ty cung ứng suất ăn cam kết sẽ luôn cập nhật thông tin về nhiệm vụ, quyền hạn của các nhân viên thực hiện cung cấp Dịch vụ cho Hãng hàng không. Trong trường hợp tại một thời điểm cụ thể nào đó, Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp các thông tin về nhiệm vụ, quyền hạn của các nhân viên thực hiện cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn sẽ thông báo cho Hãng hàng không ngay lập tức.
- 5.6. Hãng hàng không sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin và hướng dẫn để Công ty cung ứng suất ăn có thể thực hiện việc cung ứng Dịch vụ theo cách thích hợp.
- 5.7. Công ty cung ứng suất ăn cam kết rằng: trong quá trình thực hiện việc cung ứng Dịch vụ, sẽ luôn chú ý đến vấn đề an toàn và an ninh và sẽ tuân thủ theo luật pháp và các quy định

quốc gia và quốc tế đang có hiệu lực áp dụng, bao gồm và không giới hạn các luật lệ và quy định của Hiệp hội Hàng không Quốc tế (IATA) và/hoặc Tổ chức Hàng không Dân dụng Thế giới (ICAO).

5.8. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải ngay lập tức thông báo cho đại diện của Hãng hàng không về các thiệt hại hoặc mất mát có nguy cơ xảy ra hoặc đã xảy ra trên thực tế đối với máy bay và hàng hoá, vật tư chứa trên máy bay của Hãng hàng không mà Công ty cung ứng suất ăn nhận thấy trong quá trình thực hiện cung ứng hay thông qua nhận thức của mình.

5.9. Công ty cung ứng suất ăn cam kết: tại mọi thời điểm trong quá trình thực hiện Hợp đồng, sẽ:

- (a) đảm bảo rằng các nhà xưởng, máy móc, các quá trình sản xuất, các dụng cụ dùng để cất trữ, chuẩn bị, sản xuất và vận chuyển các suất ăn và đồ uống để cung ứng cho máy bay của Hãng hàng không luôn luôn đáp ứng được các tiêu chuẩn về vệ sinh được quy định cụ thể trong luật, các quy định, quy trình và yêu cầu của quốc gia cũng như quốc tế đang có hiệu lực áp dụng;
- (b) thực hiện các bước cần thiết để đảm bảo rằng đồ ăn và nước uống được cung ứng lên máy bay của Hãng hàng không cũng như các dụng cụ phục vụ cho việc cung cấp các Dịch vụ theo yêu cầu của Hãng hàng không sẽ được loại trừ hoàn toàn nguồn gốc các vi khuẩn gây bệnh và các chất độc hại theo yêu cầu của luật pháp, quy định, quy trình và yêu cầu của quốc gia và quốc tế;
- (c) đảm bảo và chứng minh rằng các tiêu chuẩn được đề cập ở trên đã và sẽ được thực hiện thường xuyên, liên tục và bằng chứng về việc thực hiện này sẽ phải được lưu trữ và sẵn có để Hãng hàng không tiến hành kiểm tra nếu cần thiết;
- (d) đảm bảo rằng các Dịch vụ luôn được cung ứng kịp thời;
- (e) đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn bổ sung về việc thực hiện công việc được ghi cụ thể tại Phụ lục B.

5.10. Dụng cụ, trang thiết bị

Công ty cung ứng suất ăn sẽ cung cấp các điều kiện, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo các vật dụng do Hãng hàng không cung cấp cho Công ty cung ứng suất ăn (sau đây gọi là "Dụng cụ, trang thiết bị") sẽ được cất trữ một cách hiệu quả và an toàn để thực hiện cung ứng các Dịch vụ. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất đối với các Dụng cụ, trang thiết bị do Hãng hàng không cung cấp nếu các Dụng cụ, trang thiết bị này bị mất mát hoặc hư hỏng trong quá trình thuộc phạm vi kiểm soát hoặc trong quá trình sử dụng của Công ty cung ứng suất ăn, hoặc đã được cam kết là sẽ được bảo quản an toàn.

5.11. Công ty cung ứng suất ăn đảm bảo rằng: mọi tài sản của Hãng hàng không giao cho Công ty cung ứng suất ăn sẽ chỉ được sử dụng duy nhất cho mục đích thực hiện các công việc cung ứng Dịch vụ hoặc các công việc có liên quan tới cung ứng Dịch vụ cho Hãng hàng không và không tài sản nào trong số đó được giữ giữ hoặc sử dụng cho bất kỳ một mục đích nào khác, cũng như trao cho một bên thứ ba hoặc người nào khác để sử dụng với bất kỳ mục đích gì.

**ĐIỀU 6
TIỀN CÔNG**

6.1. Đối với các Dịch vụ đã được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp, Hãng hàng không cam kết sẽ thanh toán cho Công ty cung ứng suất ăn các khoản phí cho các Dịch vụ đã được Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không theo các mức giá đã được cụ thể hoá trong (các) Phụ lục B tương ứng về điều khoản Dịch vụ và theo Điều 1.2 của Hợp đồng này. Ngoài ra, Hãng hàng không cũng cam kết sẽ thanh toán cho Công ty cung ứng suất ăn các khoản chi phí và các khoản tiền khác thực sự phát sinh khi Công ty cung ứng suất ăn cung cấp cho Hãng hàng không các Dịch vụ như đã đề cập tại các Điều 1.3, 1.5 và 1.6 của Hợp đồng này.

6.2. Các khoản phí được ghi trong (các) Phụ lục B sẽ không bao gồm các khoản phí, lệ phí và thuế mà Hãng hàng không hoặc Công ty cung ứng suất ăn phải trả cho Sân bay, Hải quan hoặc các nhà chức trách khác liên quan trực tiếp đến việc Công ty cung ứng suất ăn cung cấp các Dịch vụ cho Hãng hàng không theo Hợp đồng này, hoặc liên quan đến các chuyển

bay của Hãng hàng không. Các khoản phí, lệ phí và thuế này sẽ được kê riêng và Hãng hàng không sẽ là người chi trả cuối cùng.

- 6.3.** Hãng hàng không sẽ chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho các Dịch vụ do Đại diện có thẩm quyền thích hợp của Hãng hàng không yêu cầu và/hoặc chấp nhận bằng văn bản; đồng thời các Dịch vụ này đã được cung cấp cho Hãng hàng không theo đúng các điều khoản của Hợp đồng này.

6.4. Phí huỷ bỏ Dịch vụ

- 6.4.1. Hãng hàng không sẽ chấp nhận thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong (các) Phụ lục B của Hợp đồng này liên quan đến việc (các) đại diện có thẩm quyền của mình huỷ bỏ Dịch vụ mà Hãng hàng không đã chính thức yêu cầu Công ty cung ứng suất ăn cung cấp.
- 6.4.2. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải gửi tài liệu cho Hãng hàng không về các khoản phí và các khoản tiền khác mà mình đã phải chi trả theo các điều khoản của (các) Phụ lục B liên quan đến việc huỷ bỏ dịch vụ trước khi Hãng hàng không phải chịu trách nhiệm trong các trường hợp như vậy.
- 6.4.3. Trừ khi được quy định trong (các) Phụ lục B, Hãng hàng không sẽ không chịu trách nhiệm về hoặc liên quan đến việc huỷ bỏ Dịch vụ. Hãng hàng không sẽ có quyền huỷ bỏ các yêu cầu về suất ăn vì bất kỳ lý do nào, bao gồm và không giới hạn ở việc chậm, huỷ hay thay đổi hành trình chuyển bay...

ĐIỀU 7

THANH TOÁN

- 7.1.** Căn cứ vào các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng và theo địa chỉ được quy định trong Phụ lục B, Công ty cung ứng suất ăn sẽ gửi cho Hãng hàng không hoá đơn thanh toán cho các khoản phí phát sinh từ việc cung cấp các Dịch vụ ghi tại Phụ lục A và được liệt kê trong (các) Phụ lục B theo mức giá được ghi trong Phụ lục B đang có hiệu lực áp dụng. Các hoá đơn này phải được đính kèm theo các chứng từ có liên quan theo hướng dẫn của Hãng hàng không.
- 7.2.** Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng chuyển khoản theo các thoả thuận chi tiết trong Phụ lục B.
- 7.3.** Một trong hai Bên sẽ có quyền sửa chữa lỗi trong hoá đơn đã được gửi trước đó. Hãng hàng không cam kết sẽ không chậm trễ trong việc thanh toán cho các khoản tiền mà Hãng hàng không không có tranh cãi gì với điều kiện việc thanh toán này sẽ không ảnh hưởng đến quyền khiếu nại sau này của Hãng hàng không đối với Công ty cung ứng suất ăn. Các khiếu nại này của Hãng hàng không sẽ phải được gửi trong vòng 30 ngày tính từ ngày nhận được hoá đơn thanh toán. Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải trả lời Hãng hàng không trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

ĐIỀU 8

TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG

Trong điều khoản này, khi đề cập đến Hãng hàng không hoặc Công ty cung ứng suất ăn, các cụm từ này sẽ bao hàm cả các nhân công, người phục vụ, đại lý và Nhà thầu phụ của các công ty này.

- 8.1.** Hãng hàng không sẽ không khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn và sẽ thực hiện bồi thường (các đối tượng được bồi thường sẽ được quy định dưới đây) đối với trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại, khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, liên quan đến:
- (a) việc chậm chuyển, gây thương vong hoặc tử vong cho các cá nhân đã hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và
 - (b) thương vong hoặc tử vong xảy ra cho các nhân công của Hãng hàng không; và
 - (c) sự chậm trễ về hành lý, hàng hoá hoặc bưu kiện đã hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và
 - (d) thiệt hại hoặc tổn thất về tài sản thuộc quyền sở hữu của Hãng hàng không hoặc do Hãng hàng không khai thác hoặc do hãng được Hãng hàng không uỷ quyền khai thác và các thiệt hại hoặc tổn thất là hậu quả của thiệt hại hoặc tổn thất nói trên;

phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Công ty cung ứng suất ăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ khi các hành động hoặc thiếu sót này được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.

Với điều kiện là các khiếu nại và khiếu kiện phát sinh từ Hợp đồng này được giải quyết bởi Hãng hàng không; và

Còn với điều kiện là Công ty cung ứng suất ăn sẽ thông báo cho Hãng hàng không một cách không chậm trễ về các khiếu nại và khiếu kiện này, và sẽ hỗ trợ cho Hãng hàng không nếu Hãng hàng không có các yêu cầu hợp lý.

8.2. Không kể các điều được quy định trong Điều 8.1 nêu trên, Hãng hàng không sẽ có quyền khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn nếu thấy hợp lý và Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải thực hiện bồi thường cho Hãng hàng không đối với các nghĩa vụ pháp lý cho các khiếu nại, khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, liên quan đến:

(a) tử vong, thương vong, ốm đau hoặc bệnh tật của các cá nhân được vận chuyển bởi Hãng hàng không; và

(b) tử vong, thương vong, ốm đau hoặc bệnh tật của nhân công của Hãng hàng không;

phát sinh từ việc Công ty cung ứng suất ăn không thực hiện đúng các Điều 5.9(a) và 5.9(b) trong Hợp đồng này.

8.3. Hãng hàng không sẽ không khiếu nại Công ty cung ứng suất ăn đối với các thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hoặc tổn thất xảy ra đối với các bên thứ 3 (nghĩa là các bên không phải Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn và các cá nhân được hoặc sẽ được vận chuyển bởi Hãng hàng không) phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Công ty cung ứng suất ăn trong quá trình thực hiện Hợp đồng trừ khi các hành động hoặc thiếu sót này được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.

8.4. (a) Không kể các quy định trong Điều 8.1, trong trường hợp có các khiếu nại phát sinh từ việc vận chuyển đường bộ cần thiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, và việc vận chuyển này là một phần của quá trình xếp dỡ và/hoặc được điều chỉnh bởi Hợp đồng chuyên chở của Hãng hàng không, việc bồi thường sẽ không vượt quá giới hạn đã quy định trong Hợp đồng chuyên chở.

(b) Trong trường hợp khiếu nại phát sinh do việc vận chuyển đường bộ mà việc vận chuyển này KHÔNG được thực hiện theo uỷ quyền của Hãng hàng không và/hoặc KHÔNG phải là một phần của quá trình xếp dỡ và/hoặc KHÔNG được điều chỉnh bởi Hợp đồng chuyên chở của Hãng hàng không, việc miễn trừ trách nhiệm và bồi thường đã quy định trên đây sẽ không được áp dụng.

8.5. Công ty cung ứng suất ăn sẽ không khiếu nại Hãng hàng không và phải bồi thường (các đối tượng được bồi thường sẽ được quy định dưới đây) đối với các trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại và khiếu kiện, bao gồm các khoản phí và phụ phí phát sinh từ các khiếu nại và khiếu kiện đó, đối với:

(a) thương vong hoặc tử vong của nhân công, người phục vụ, đại lý hoặc các nhà thầu phụ của Công ty cung ứng suất ăn; và

(b) thiệt hại hoặc tổn thất về tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty cung ứng suất ăn, hoặc do Công ty cung ứng suất ăn khai thác hoặc uỷ quyền khai thác; cũng như các thiệt hại và tổn thất:

phát sinh từ hành động hoặc thiếu sót của Hãng hàng không trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ khi các hành động hoặc thiếu sót đó được thực hiện với chủ ý gây thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất, hoặc được thực hiện một cách bất cẩn với nhận thức là việc bất cẩn đó có thể sẽ gây ra thiệt hại, tử vong, chậm trễ, thương vong hay tổn thất.

8.6. Để không gây ảnh hưởng đến trách nhiệm bồi thường của Công ty cung ứng suất ăn đối với Hãng hàng không, Công ty cung ứng suất ăn, với chi phí thuộc về phần mình, sẽ mua các

bảo hiểm cần thiết để đảm bảo cho các trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này và đặc biệt là các trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ Điều 8.2 cho các điều khoản đã quy định trong Phụ lục B có liên quan.

ĐIỀU 9 TRỌNG TÀI

- 9.1.** Mọi tranh chấp hoặc khiếu nại liên quan đến hoặc phát sinh từ phạm vi, ý nghĩa, cấu trúc và hiệu lực của Hợp đồng này, nếu không được giải quyết bằng thoả thuận giữa hai bên, sẽ được đưa ra trọng tài giải quyết dứt điểm theo các thủ tục được quy định dưới đây, các phán quyết của trọng tài đã đưa ra có thể được chuyển tới toà án có thẩm quyền thụ lý.
- 9.1.1.** Các Bên có thể thoả thuận việc chỉ định một trọng tài duy nhất, trong trường hợp này, hội đồng trọng tài sẽ chỉ bao gồm một trọng tài duy nhất. Trọng tài này có thể do cả hai Bên trực tiếp chỉ định hoặc theo yêu cầu của cả hai Bên, do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
- 9.1.2.** Nếu các Bên không đồng ý chỉ định một trọng tài duy nhất, Hội đồng trọng tài sẽ bao gồm ba trọng tài viên được chỉ định theo cách sau:
- (a) Mỗi Bên sẽ chỉ định một trong ba trọng tài. Nếu một trong các Bên không chỉ định được trọng tài của mình thì trọng tài đó sẽ do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
- (b) Hai trọng tài được chỉ định trên sẽ chỉ định một trọng tài thứ ba, trọng tài thứ ba này sẽ đảm nhiệm vị trí chủ toạ. Nếu hai trọng tài này không thể chỉ định được một trọng tài thứ ba thì trọng tài đó sẽ do Tổng giám đốc IATA chỉ định.
- 9.1.3.** Theo yêu cầu của các Bên, Tổng Giám đốc IATA sẽ chọn một thời hạn thích hợp nhất định, trong thời hạn đó, các Bên hoặc trọng tài do các bên chỉ định sẽ thành lập hội đồng trọng tài. Khi hết thời hạn này, Tổng Giám đốc IATA sẽ thực hiện các hành động cần thiết được quy định trong điều khoản trên để thành lập hội đồng trọng tài.
- 9.1.4.** Trong trường hợp hội đồng trọng tài bao gồm ba trọng tài, việc phán quyết sẽ được thực hiện theo nguyên tắc đa số.
- 9.1.5.** Việc trọng tài sẽ được tiến hành tại địa điểm được quy định cụ thể trong Phụ lục B.
- 9.1.6.** Các Bên sẽ ra điều kiện để chỉ định trọng tài là trọng tài phải áp dụng luật và các quy định được cụ thể hoá trong Điều 13 để giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, trọng tài hoặc hội đồng trọng tài có thể tự định ra nguyên tắc thủ tục riêng. Phán quyết của trọng tài sẽ bao gồm hướng dẫn về việc phân chia chi phí, phụ phí và các khoản phí khác liên quan đến việc trọng tài (bao gồm cả lệ phí trọng tài).
- 9.1.7.** Phán quyết của trọng tài sẽ là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với cả hai bên.
- 9.1.8.** Các Bên phải có những nỗ lực hợp lý để đảm bảo rằng phán quyết của các trọng tài sẽ được đưa ra trong vòng ba tháng kể từ ngày chỉ định trọng tài hoặc kể từ ngày chỉ định trọng tài thứ ba trong trường hợp thành lập hội đồng trọng tài.
- 9.1.9.** Thủ tục trọng tài này sẽ không ảnh hưởng đến quyền của các Bên theo Hợp đồng về việc có thể huỷ bỏ thủ tục trọng tài tại bất kỳ thời gian nào trước khi có phán quyết của trọng tài và có thể tìm cách giải quyết khác.

ĐIỀU 10 LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

- 10.1.** Mỗi Bên sẽ phải trả tất cả các khoản thuế đăng ký hoặc thuế trước bạ (bao gồm cả phí đóng dấu) hoặc các khoản phí tương tự phát sinh liên quan đến Hợp đồng này mà các Bên phải trả theo luật của quốc gia mà Bên đó đặt trụ sở giao dịch chính thức.
- 10.2.** Tất cả các khoản thuế đăng ký hoặc thuế trước bạ (bao gồm cả phí đóng dấu) hoặc các khoản phí tương ứng phát sinh từ Hợp đồng này mà các Bên phải trả theo luật của quốc gia là địa điểm được quy định trong (các) Phụ lục B, nhưng không phải là quốc gia mà các Bên đặt trụ sở chính thức, sẽ được chia đều cho các Bên.

ĐIỀU 11 THỜI HẠN HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 11.1.** Hợp đồng này sẽ có hiệu lực áp dụng đối với tất cả các địa điểm được quy định trong Phụ lục B tương ứng và sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi các Bên chấm dứt Hợp đồng theo các quy định trong Điều khoản 11 này. Hợp đồng này sẽ thay thế cho tất cả các thoả thuận trước đây giữa các Bên về việc cung ứng các Dịch vụ tại các địa điểm được quy định trong Phụ lục B có hiệu lực của Hợp đồng.
- 11.2.** Các sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này sẽ được ghi chép trong (các) Phụ lục B. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy định từ Điều 1 đến Điều 13 của Hợp đồng và các quy định trong Phụ lục B, các quy định trong Phụ lục B sẽ được áp dụng. Hợp đồng này thể hiện sự nhất trí hoàn toàn và sự hiểu biết giữa các Bên liên quan đến việc cung ứng các Dịch vụ. Tất cả các thay thế, sửa đổi và bổ sung đối với Hợp đồng (kể cả (các) phụ lục A) sẽ không có hiệu lực và không có sức ràng buộc đối với các Bên trừ khi các thay thế, sửa đổi và bổ sung này được ghi nhận lại tại hoặc đính kèm với Phụ lục B và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các Bên. Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia ít nhất là sáu mươi (60) ngày trước khi có các thay thế, sửa đổi và bổ sung trên.
- 11.3.** Hợp đồng chính có thể bị huỷ toàn bộ hoặc trong một phạm vi chừng mực liên quan đến một địa điểm cụ thể bởi một trong hai bên bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia ít nhất là chín mươi (90) ngày trước đó, trừ trường hợp được quy định tại Điều khoản phụ 11.4.
- 11.4.** Tại mọi thời điểm, Hãng hàng không có thể ngay lập tức đơn phương chấm dứt một phần hay toàn bộ Hợp đồng và thông báo bằng văn bản cho Công ty cung ứng suất ăn trong các trường hợp sau:
- (a) Công ty cung ứng suất ăn không thể cung cấp các Dịch vụ đáp ứng được yêu cầu của Hãng hàng không và mà việc này đã được Hãng hàng không thông báo bằng văn bản cho Công ty cung ứng suất ăn tuy nhiên trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo đó, Công ty cung ứng suất ăn vẫn không cung cấp Dịch vụ theo đúng yêu cầu của Hãng hàng không.
 - (b) Công ty cung ứng suất ăn đã vi phạm hoặc sơ suất trong việc tuân thủ theo bất cứ tiêu chuẩn nào được quy định trong Điều 5 của Hợp đồng này. Việc Công ty cung ứng suất ăn không tuân thủ theo các đặc điểm, nội dung Dịch vụ của Hãng hàng không về vệ sinh, chất lượng đồ ăn và đồ uống, các tiêu chuẩn và cách bày biện sẽ được coi là vi phạm Hợp đồng.
- 11.5.** Trong trường hợp một phần hay toàn bộ quyền hoặc sự uỷ quyền của Hãng hàng không hoặc của Công ty cung ứng suất ăn cần thiết cho việc thực hiện các dịch vụ vận chuyển hàng không, hoặc cần thiết cho việc thực hiện cung ứng các Dịch vụ đã được quy định trong (các) Phụ lục B, bị thu hồi, trì hoãn hay huỷ bỏ, các Bên có thể chấm dứt hợp đồng hoặc (các) Phụ lục B có liên quan từ ngày sự thu hồi, trì hoãn hoặc huỷ bỏ đó có hiệu lực bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 24 giờ kể từ khi sự thu hồi, trì hoãn hoặc huỷ bỏ đó có hiệu lực.
- 11.6.** Một trong hai Bên có thể chấm dứt Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào nếu:
- (a) Bên kia bị bắt buộc hoặc tự nguyện thanh lý để dừng kinh doanh
 - (b) Bên kia bị chuyển giao lại cho các bên thụ hưởng hoặc chủ nợ
 - (c) Bên kia tuyên bố phá sản hoặc bị yêu cầu phải tuyên bố phá sản hoặc phải tái cơ cấu lại hoặc phải tái điều chỉnh lại các khoản nợ; với điều kiện các yêu cầu này đã được phán quyết bởi nhà chức trách có thẩm quyền.
 - (d) nếu Bên kia chỉ định hoặc nộp đơn để làm thủ tục chỉ định người thừa kế, người tin thác hay thanh lý toàn bộ hay phần lớn tài sản của mình.
 - (e) nếu bất kỳ một trường hợp tương tự với các trường hợp trên xảy ra trong bất kỳ trường hợp tổ tụng nào.
- 11.7.** Trong trường hợp chấm dứt toàn bộ hay một phần Hợp đồng mà có thông báo trước hoặc trường hợp khác, việc huỷ bỏ này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà các Bên phải thực hiện trước khi có sự chấm dứt này.
- 11.8.** Công ty cung ứng suất ăn có quyền điều chỉnh một bộ phận giá riêng rẽ (giá chuẩn trước đó đã được quy định trong bảng giá) nếu điều chỉnh này là kết quả của những thay đổi về giá mua sản phẩm của Công ty cung ứng suất ăn với điều kiện là Công ty cung ứng suất

ăn phải thông báo cho Hãng hàng không về các dự định điều chỉnh này ít nhất là ba mươi (30) ngày trước khi các điều chỉnh này được yêu cầu có hiệu lực, đồng thời các thay đổi về giá này không thể dự đoán trước được và xảy ra do các yếu tố ngoài tầm kiểm soát như:

- (a) sự vi phạm hợp đồng của các nhà cung ứng;
- (b) các thay đổi về giá của các nhà cung cấp vượt quá mười phần trăm (10%) và việc tăng giá này của nhà cung cấp buộc Công ty cung ứng suất ăn phải trả thêm chi phí để mua nguyên liệu vượt quá chi phí bảo hiểm tăng giá nguyên liệu (nếu có);
- (c) các nghị định của chính phủ;
- (d) giá nhân công tăng đáng kể do các tranh chấp nghiêm trọng về lao động.

Việc thực thi các thay đổi này phải được sự nhất trí của Hãng hàng không, và Hãng hàng không không được chối từ hoặc trì hoãn sự nhất trí này mà không có lý do hợp lý.

- 11.9.** Ngoài các điều khoản trên, khi có sự thay đổi về lịch bay như đã đề cập trong điều 1.2 và sự thay đổi này có ảnh hưởng đến chi phí cho việc cung ứng các dịch vụ đã được quy định trong Hợp đồng, Một trong hai Bên sẽ có quyền yêu cầu điều chỉnh giá dịch vụ kể từ ngày có sự thay đổi về lịch bay đó. Yêu cầu này phải được đưa ra trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày thay đổi lịch bay và các phí dịch vụ mới này phải được Bên kia nhất trí. Các Bên không được chối từ hoặc trì hoãn sự nhất trí này nếu không có lý do hợp lý.
- 11.10.** Khi Hợp đồng này bị chấm dứt vì bất kỳ lý do nào, Công ty cung ứng suất ăn sẽ phải trao trả cho Hãng hàng không tất cả tài sản của Hãng hàng không trong điều kiện sạch sẽ.
- 11.11.** Trong trường hợp Hãng hàng không quyết định chấm dứt Hợp đồng và ký Hợp đồng với một Công ty cung ứng suất ăn khác, hoặc Hãng hàng không chấm dứt tất cả các hoạt động khai thác tại sân bay do Công ty cung ứng suất ăn cung ứng Dịch vụ, tất cả trang thiết bị và các tài sản khác của Hãng hàng không sẽ được làm sạch, đóng gói và niêm phong với chi phí do Hãng hàng không chịu.
- 11.12.** Các Bên có thể hoãn lại việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này nếu không thể thực hiện các nghĩa vụ này do các lý do nằm ngoài tầm kiểm soát của Bên đó, bao gồm và không hạn chế ở các tranh chấp về lao động dẫn đến việc trì hoãn hay gián đoạn một phần hay toàn bộ công việc, thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, hỏng điện, hoặc các đạo luật của chính phủ hoặc chính quyền.
- 11.13.** Trong trường hợp xảy ra trì hoãn thực hiện công việc theo điều khoản phụ 11.12, các Bên liên quan sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên kia nêu rõ bản chất sự việc và thời gian trì hoãn dự tính.
- 11.14.** Trong trường hợp Công ty cung ứng suất ăn trì hoãn việc cung ứng các Dịch vụ, Hãng hàng không có thể có quyền tùy ý mình chỉ định một Bên thứ ba cung ứng Dịch vụ cho mình cho đến khi Công ty cung ứng suất ăn có thông báo bằng văn bản cho Hãng hàng không về việc có thể tiếp tục thực hiện cung ứng các Dịch vụ theo Hợp đồng này.
- 11.15.** Nếu thời gian trì hoãn thực hiện công việc theo điều khoản phụ 11.12 kéo dài quá sáu mươi (60) ngày, các Bên có thể chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng ba mươi (30) ngày.

ĐIỀU 12

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 12.1.** Tất cả các thông báo và thư từ giao dịch khác giữa hai Bên theo Hợp đồng này đều phải được làm bằng văn bản và **sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng Việt**. Các thông báo và tài liệu này có thể được giao tận tay hoặc gửi bằng điện tín, fax, thư thường hoặc thư đảm bảo tới các Bên liên quan theo các địa chỉ, các số điện tín hoặc số fax đã được quy định trong (các) Phụ lục B (hoặc các địa chỉ, số điện tín hoặc số fax mà các Bên thông báo cho nhau tại từng thời điểm cụ thể). Các thông báo và tài liệu này được coi là đã nhận được:
 - vào ngày các thông báo và thư từ được giao hoặc bị từ chối nhận trong trường hợp giao tận tay.
 - vào thời điểm gửi điện tín và bên kia có thông báo lại là đã nhận được trong trường hợp gửi bằng điện tín.
 - vào thời điểm gửi fax với điều kiện bên nhận fax thông báo là đã nhận được bản fax trong tình trạng rõ ràng, trong trường hợp gửi bằng fax.

- 7 ngày sau khi gửi trong trường hợp gửi bằng thư thường.
- 14 ngày sau khi gửi trong trường hợp gửi bằng thư đảm bảo.

12.2. Quyền của các Bên theo Hợp đồng sẽ không bị ảnh hưởng hoặc bị hạn chế do có sự nhượng bộ từ phía bên kia, hoặc bởi sự trì hoãn việc thực hiện hay không thể thực hiện các quyền trong Hợp đồng. Việc một Bên được miễn trách một lần khi vi phạm Hợp đồng không có nghĩa là Bên đó sẽ được miễn trách trong các lần vi phạm tiếp theo.

12.3. Công ty cung ứng suất ăn sẽ được coi là một nhà thầu độc lập và sẽ không được coi là một đại lý, đối tác hay đại diện có thẩm quyền của Hãng hàng không.

ĐIỀU 13

LUẬT ĐIỀU CHỈNH

13.1. Cấu trúc, hiệu lực và việc thực hiện Hợp đồng này về mọi phương diện sẽ được điều chỉnh bởi luật được quy định trong (các) phụ lục B.

Ký ngày tháng năm
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Hãng hàng không

Ký ngày tháng năm
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Công ty cung ứng suất ăn

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC A

Bản số 1

Phụ lục A_Phần 1, Bản số 1_2025 này là một bộ phận không tách rời của
Hợp đồng cung ứng suất ăn có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 20...

giữa:

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

có trụ sở chính tại: Số 200, Phố Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "**Hãng hàng không**"

và:

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

có trụ sở chính tại: Sân bay Quốc tế Nội Bài, Hà Nội, Việt Nam
sau đây gọi là "**Công ty cung ứng suất ăn**"

Phụ lục A_ Phần 1, Bản số 1_2025 này có hiệu lực thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hãng hàng không và Công ty cung ứng suất ăn nhất trí ký phụ lục này để thỏa thuận thực đơn/giá suất ăn, đồ uống/đồ cấp rời cho các chuyến bay của Hãng hàng không như trong các phụ kiện đính kèm sau đây:

1. Phụ lục A_ Phần 1, Bản số 1_2025 này có giá trị thay thế Phụ lục ...
2. Phụ lục này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Hãng hàng không giữ 02 bản, Công ty cung ứng suất ăn giữ 02 bản.

Ký ngày ... tháng ... năm 2025
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Hãng hàng không

Ký ngày ... tháng... năm 2025
tại Hà Nội, Việt Nam
bởi người đại diện và được uỷ quyền của
Công ty Cung ứng suất ăn

Nguyễn Văn Dũng
Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI**



Số: 01/TTr-NCS-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đối tác kiểm toán báo cáo tài chính giai đoạn 2025 - 2027

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài (NCS);

Căn cứ Quyết định số 2730/QĐ-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính về danh sách các công ty kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông đề xuất danh sách các công ty kiểm toán được xem xét để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025 – 2027 của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài như sau:

1. Về tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

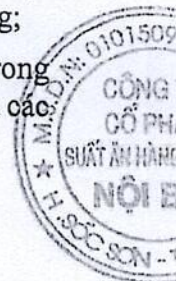
- + Là công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước – Bộ Tài chính chấp nhận kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của các doanh nghiệp có lợi ích công chúng;
- + Có kinh nghiệm kiểm toán cho doanh nghiệp lớn có nhiều chi nhánh, hoạt động trong nhiều lĩnh vực SXKD và/hoặc hoạt động trong lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ phục vụ các hãng hàng không;
- + Có uy tín về chất lượng kiểm toán
- + Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- + Có mức giá phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và ngân sách của Công ty.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban Kiểm soát xin đề xuất các công ty kiểm toán độc lập sau đây vào danh sách để xem xét lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025 – 2027 của Công ty (danh sách sắp xếp theo thứ tự ABC):

- + Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;
- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam;
- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY;

3. Kinh phí dự kiến



Căn cứ Điều 4 Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc quy định ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán thực hiện đồng thời bằng tiếng Việt và tiếng Anh đối với Tổ chức niêm yết và công ty đại chúng có quy mô lớn.

Do đó, từ ngày 01/01/2025, toàn bộ báo cáo tài chính Quý, bán niên, năm phải được công bố thông tin bằng Tiếng Anh. Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu cao về các thuật ngữ chuyên ngành và tính pháp lý nên BCTC bằng tiếng anh sẽ do đơn vị kiểm toán độc lập đồng thời thực hiện.

Chi phí dự kiến thực hiện: 210.000.000 đồng/năm (chưa bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành)

4. Kiến nghị

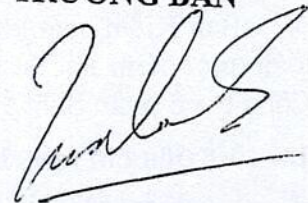
Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua danh sách các công ty kiểm toán nêu tại Mục 2 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo các quy định pháp luật và các quy định của Công ty.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lê Hoàng Chính



CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông: XYZ

Số đăng ký sở hữu: 01010101010

Họ và tên người được ủy quyền: NGUYỄN VĂN A

Số phiếu biểu quyết:

12.345.678

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

1. Người ủy quyền:

Tên cổ đông:

CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước/ĐKDN số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu: cổ phần

2. Người được ủy quyền:

Ông (bà):

CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước/ĐKDN số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

3. Nội dung ủy quyền:

Thay mặt người ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài vào ngày 24/4/2025.

Thực hiện quyền phát biểu và biểu quyết tất cả những vấn đề thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài theo quy định Pháp luật và Quy chế tổ chức Đại hội với số lượng được ủy quyền là:

☐ Toàn bộ

☐ Một phần: (ghi rõ số lượng CP được ủy quyền)

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

5. Trách nhiệm của người được ủy quyền:

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu cổ đông là tổ chức)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY XÁC NHẬN

(tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Tên cổ đông:
Địa chỉ:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Số Giấy phép đầu tư:
do cấp ngày
Mã cổ đông/GCN sở hữu:
Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Chúng tôi đã nhận được Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài, nay xác nhận sẽ tham dự họp theo hình thức sau đây:

- Người đại diện theo pháp luật tham dự họp ☐
- Người đại diện theo uỷ quyền tham dự họp ☐
(Có Giấy uỷ quyền kèm theo)

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức được biết.

....., ngày tháng năm 2025

(Ký tên, đóng dấu)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

(tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)

Kính gửi: Ban Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài

Tên cổ đông:
Địa chỉ:
Số CMND/hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
Mã cổ đông/GCN sở hữu:
Số lượng cổ phần sở hữu: cổ phần

Tôi đã nhận được Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài, nay xác nhận sẽ tham dự họp theo hình thức sau đây:

- **Trực tiếp tham dự Đại hội** ☐
- **Ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội** ☐
(Có Giấy ủy quyền kèm theo)

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức được biết.

....., ngày tháng năm 2025

(Ký tên)

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
(Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài;
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/4/2024;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

1.1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:
Đơn vị: triệu đồng

TT	Diễn giải	Năm 2023	Năm 2024		TH 2024/ TH 2023	TH 2024/ KH 2024
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Suất ăn (suất)	10.420.646	11.954.605	11.100.227	107%	93%
2	Chuyến bay (chuyến)	38.485	41.251	41.295	107%	100%
3	Doanh thu	617.939	706.246	735.079	119%	104%
4	Chi phí	571.755	654.344	667.470	117%	102%
5	Lợi nhuận trước thuế	46.184	51.902	67.609	146%	130%
6	Lợi nhuận sau thuế	46.184	44.260	54.769	119%	124%
7	Đầu tư (GTGN)	0	24.340	2.317		9.5%
8	Quỹ lương	131.132	139.839	168.916	129%	121%
9	Lao động (người)	744	787	756	102%	96%

1.2. Ghi nhận Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Chuyến bay: 46.161 chuyến, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Suất ăn: 12.815.374 suất ăn, tăng 15% so với thực hiện 2024;
- Tổng doanh thu: 841,39 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Tổng Chi phí: 760,83 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện 2024;
- Lợi nhuận trước thuế: 80,55 tỷ đồng, tăng 19% so với thực hiện 2024;

- Lợi nhuận sau thuế: 64,44 tỷ đồng, tăng 18% so với thực hiện 2024;
- Tổng quỹ lương: 188,77 tỷ đồng, tăng 12% so với thực hiện 2024;
- Lao động bình quân: 802 người, tăng 6% so với thực hiện 2024;
- Về kế hoạch đầu tư:

Tổng mức đầu tư 82.22 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư chuyển tiếp trang thiết bị lẻ từ năm 2024 chuyển sang: 21,64 tỷ đồng (08 danh mục trang thiết bị chuẩn bị đầu tư – 3,73 tỷ đồng; 14 danh mục thực hiện đầu tư – 17,91 tỷ đồng);

+ Đầu tư mới năm 2025 là: 60,58 tỷ đồng (gồm 18 danh mục: Nhóm máy móc, dây chuyền sản xuất: 03 danh mục – 5,41 tỷ đồng; Nhóm phương tiện vận tải: 04 danh mục – 27,53 tỷ đồng; Nhóm phần mềm, CNTT: 04 danh mục – 9,86 tỷ đồng; Nhóm TTB phụ trợ: 07 danh mục – 17,79 tỷ đồng).

+ Kế hoạch Khối lượng hoàn thành: 59,19 tỷ đồng; Kế hoạch Giải ngân: 56,85 tỷ đồng.

Tiến độ triển khai: sau khi ĐHCĐ phê duyệt kế hoạch SXKD, Công ty sẽ tổ chức triển khai thực hiện.

- Ủy quyền cho HĐQT chủ động rà soát, điều chỉnh lại kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD; đảm bảo việc điều hành các nguồn lực và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế và thông báo cho các cổ đông kết quả thực hiện (nếu có).

1.3. Thông qua Định hướng kế hoạch kinh doanh 5 năm 2025 - 2030;

1.4. Thông qua Báo cáo hoạt động và công tác giám sát năm 2024 của HĐQT;

1.5. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát.

1.6. Thông qua việc chi trả lương, thù lao năm 2024 cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

- Tổng thù lao của HĐQT, BKS TH2024 là 794.880.000 đồng, cụ thể:
 - + Thù lao của Chủ tịch HĐQT: 14,4 triệu đồng/tháng;
 - + Thù lao của Thành viên HĐQT: 11,52 triệu đồng/người/tháng;
 - + Thù lao của Kiểm soát viên: 8,64 triệu đồng/người/tháng.
- Tổng tiền lương TH2024 của Trưởng BKS là 667.058.824 đồng, tương đương mức 55.588.235 đồng/tháng.

Thông qua phương án trả lương, thù lao năm 2025 cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

STT	Chức danh HĐQT/BKS	Tiền lương người/tháng (VNĐ)	Thù lao /người/tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT		14.400.000
2	Thành viên HĐQT		11.600.000
3	Trưởng BKS	60.000.000	

STT	Chức danh HĐQT/BKS	Tiền lương người/tháng (VNĐ)	Thù lao /người/tháng (VNĐ)
4	Thành viên BKS		11.600.000
	Tổng cộng cả năm	720.000.000	868.800.000

1.7. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

1.8. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2024 như sau:

TT	Phương án phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.011.943.397
1	Các khoản trích	2.783.014.658
1.1	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	2.403.014.658
1.2	Khen thưởng HĐQT, BKS, BDH	480.000.000
2	Lợi nhuận còn lại để chia cho cổ đông năm 2024	128.928.739
3	Lợi nhuận còn lại các năm trước	-
4	Lợi nhuận chia cổ tức	128.928.739
4.1	Vốn điều lệ	179.490.980.000
4.2	Tổng giá trị cổ phiếu không được chia cổ tức	8.880.000
4.3	Tổng giá trị cổ phiếu được chia cổ tức	179.482.100.000
4.4	Cổ tức đã tạm ứng (nếu có)	-
4.5	Lợi nhuận được chia cổ tức	128.928.739
4.6	Cổ tức được chia trên mỗi cổ phiếu	
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	128.928.739

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối được phép giữ lại để bổ sung dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh và sẽ phân phối cùng lợi nhuận sau thuế của năm 2025.

1.9. Thông qua việc ký hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP, uỷ quyền Hội đồng quản trị Công ty:

- Thực hiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan theo quy định nội bộ và pháp luật hiện hành.
- Căn cứ vào phê duyệt của Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP về việc mua sắm/ký kết hợp đồng với NCS và giá trị hợp đồng/giao dịch để chỉ đạo Công ty triển khai các thủ tục theo quy định.

1.10. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025 – 2027 như sau:

+ Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;

- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM;
- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam;
- + Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY;

Ủy quyền cho HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính giai đoạn 2025 – 2027 theo quy định, phù hợp với nhu cầu thực tế của Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Chi phí dự kiến thực hiện: 210.000.000 đồng/năm (chưa bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành).

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Ngô Hồng Minh